

TAM BẢO CẢM ỨNG YẾU LƯỢC LỤC

PHÁP BẢO TỰ

QUYỂN TRUNG

MỤC LỤC

Cảm ứng của sự sắp tụng Kinh Hoa Nghiêm dùng nước rửa tay, nước rơi vãi thấm ướt côn trùng được sinh lên cõi trời.

Cảm ứng của sự các Sa-môn tu pháp Tiểu thừa đem Kinh Hoa Nghiêm đặt để dưới Kinh A-hàm mà Kinh Hoa Nghiêm thường nằm trên Kinh A-hàm.

Cảm ứng của Sa-môn Thích Linh Cán giảng Kinh Hoa Nghiêm thấy cung trời đến nghinh đón mà cải đổi sinh về thế giới Hoa Tạng.

Cảm ứng của sự phát nguyện hi tảo Kinh Hoa Nghiêm của quan Triều tán Đại phu Tôn Tuyên Đức thời tiền Đường.

Cảm ứng của Hành chứng ở phía đông chợ vì người thân mà ghi tảo Kinh Hoa Nghiêm đề cứu khổ.

Cảm ứng của Vương Thị Cảm Bồ-tát Địa tạng tụng kệ Kinh Hoa Nghiêm mà phá dẹp Địa ngục.

Cảm ứng của Sa Di Định sinh ở chùa Không Quán thấy Địa ngục Hồng Liên mà lầm cho là Thế giới Hoa Tạng.

Cảm ứng của Rồng con theo Tỳ-kheo Tăng Độ tụng tập bốn bộ Kinh A-hàm.

Cảm ứng của Sa-môn Thích Tăng Du ở nước Tân La tụng Kinh A-hàm vãng sinh về Tịnh độ.

Cảm ứng của sự ghi tảo Kinh A-hàm được sinh lên cõi trời.

Cảm ứng của A-la-hán Phú Na Xá ở nước Kiền Đà Vệ xưa trước nghe Kinh Trung A-hàm.

Cảm ứng của năm trăm co dơi ở bờ biển Nam Hải nghe giảng A-tỳ-đạt-ma tạng mà chứng đắc thành năm trăm vị A-la-hán.

Cảm ứng của con chuột ở nước Kế Tân nghe tụng Luật tạng mà

chứng đắc Quả vị A-la-hán.

Cảm ứng của vị Tỳ-kheo trì Luật Cảm người trời cúng dường.

Cảm ứng của Đức Phật Thích-ca trong Kiếp xa xưa lúc còn ở Phàm vị được một Hộp Kinh Đại tập mà diệt tội chứng đắc thân thông.

Cảm ứng của Tỳ-kheo Đạo Như ở Trinh Châu chỉ nghe danh tự Kinh Phương Đẳng mà được sinh về Tịnh độ.

Cảm ứng của Sa-môn Đàm Vinh và Tăng Định hành về trì pháp sám Phương Đẳng mà được thọ ký.

Cảm ứng của Đại sư Trí giả ở thời nhà Tuỳ giảng Kinh Tịnh Danh.

Cảm ứng của Sa-môn Thích Phổ Minh ở Lâm Truy thời Tiền Tống tụng Kinh Duy ma.

Cảm ứng của một thư sinh ở Sơn âm; cố kê ghi tả Kinh Duy Ma mà dứt trừ khổ bệnh cứu độ người thân đã qua đời.

Cảm ứng của Pháp sư Pháp tổ vì vua Diêm La mà giảng Kinh Thư Lăng Nghiêm

Cảm ứng của Pháp sư Vân ở chùa Quang Tịnh giảng Kinh Thắng Ma mà trời giáng mưa.

Cư của người nữ nghèo khổ trì tụng Kinh Thắng ma mà hiện đời được làm Hoàng Hậu.

Cảm ứng của Thiền sư Đạo Trân tụng Kinh A Di Đà mà được vãng sinh Tịnh độ.

Cảm ứng của pháp sư Đàm Loan được Kinh Quán Vô lượng Thọ mà vãng sinh Tịnh độ.

Cảm ứng của Sa-môn Tăng cảm ở Tinh châu thọ trì Quán Kinh và Kinh A Di Đà mà được vãng sinh Tịnh độ.

Cảm ứng của sự giảng Kinh Kim Quang Minh ở nước phía Tây Ấn Độ mà nước thù địch được hòa.

Cảm ứng của sự giảng Kinh Kim Quang Minh tối Thắng ở nước Trung Ấn Độ.

Cảm ứng của Trương cư Đạo đang trên đường đến Minh phủ phát nguyện tu tạo bốn quyển Kinh Kim Quang Minh.

cảm ứng của Hoàng Hậu Tắc Thiên cúng dường Kinh Kinh Quang Minh tối Thắng Vương.

Cảm ứng của Diêu Hải ở Tử Châu vì người thân qua đời mà tự ghi tả bốn bộ Kinh Đại thừa.

Cảm ứng của Trương Tạ Phu ở thời Tiền Đường tụng Kinh Dược Sư mà dứt trừ bệnh.

Cảm ứng của Trương Lý Thông ở thời Tiền Đường ghi tả Kinh Dược Sư mà được kéo dài Thọ mạng.

Cảm ứng của sự ghi tà hoàng truyền Kinh Đại Tỳ Lô Giả Ma.

Cảm ứng của sự ghi tả thần chú Tuỳ Cầu Đa-la Ni buộc đeo nơi cổ mà được diệt tội.

Cảm ứng của Kinh Tôn Thắng Đà La Ni được thỉnh lại.

Cảm ứng của đứa trẻ nghe tụng Kinh Thọ mạng mà được kéo dài Thọ mạng.

Cảm ứng của Vương nữ ở nước Ô Kỳ trì tụng Kinh Bát Nhã mà dứt trừ oán hại v.v...

Cảm ứng của vua nước Tất Thí ghi tả trì tụng Kinh Bát Nhã mà dứt trừ oán hại v.v....

Cảm ứng của Vị hoạc Khấp Tam Tạng mở đầu bước đường đi Tây vực mỗi ngày trì tụng hai mươi một biến Kinh Bát Nhã.

Cảm ứng của lúc phiên dịch Kinh Đại Bát Nhã.

Cảm ứng của sự cúng dường Kinh Đại Bát Nhã lần đầu tiên.

Cảm ứng của một thư sinh ở trung niên hiệu Càn Phong thời Tiền Đường y cứ sắc ban của vua Cao Tông mà ghi tả một pho Kinh Đại Bát Nhã.

Cảm ứng của sự đọc tụng cúng dường Kinh Đại Bát Nhã của vua nước Tam Ma Đất Tra tại phía Đông Ấn Độ,

Cảm ứng của Thiền sư Thường Mẫn ở Tinh Châu ghi tả Kinh Đại Bát Nhã.

Cảm ứng của Sa-môn Thích Tăng Trí ở Kinh Triệu phúng tụng hai quyển Kinh Đại Bát Nhã.

Cảm ứng của Sa-môn Đạo Tuấn ở Tinh Châu ghi tả Kinh Đại Bát Nhã.

Cảm ứng của thân mẫu ở Dự Châu thời Tiền Đường nghe tên Kinh Đại Bát Nhã mà chết rồi được sống lại.

Cảm ứng của sự đạp vào chỗ đất hiện tôn thờ Kinh Đại Bát Nhã mà được lia khỏi nghiệp ác thú.

Cảm ứng của Đức Phật Thích-ca lúc đế dưới gốc cây Bồ-đề, Đại Thần dâng cúng cặp vàng tôn trí Kinh Bát Nhã.

Cảm ứng của Kinh Đại Tập lúc vua Võ Đế thời Bắc chu phá diệt Phật Pháp.

Cảm ứng của Tỳ-kheo A Luyện Nhã đọc tụng Kinh Đại Phẩm.

Cảm ứng của Trương Chí Đạt ở quận Thiên Thủy ghi tả ba hàng Kinh Đại Phẩm mà được kéo dài Thọ mạng.

Cảm ứng của Kinh Đại Phẩm Bát Nhã của cư sĩ Tấn Châu Mẫn.
Cảm ứng của Kinh Phóng Quang Bát Nhã của Sa-môn Tam tạng Pháp sư Chu sĩ hành.

Cảm ứng của Sa-môn Thích Thanh Hư vì chúng sinh nhận chịu khổ trong ba đường mà Thọ trì Kinh Kim Cang Bát Nhã.

Cảm ứng của Sa-môn Thích Pháp Tạng ghi tả trì tụng Kinh Kim Cang Bát Nhã mà diệt trừ tội chứng.

Cảm ứng của vua Huyền Tông thời Tiền Đường đọc tụng Kinh Nhân Vương cầu thỉnh binh lính cõi trời cứu giúp nước An Tây.

Cảm ứng của vua Đại Tông thời Tiền Đường giảng Kinh Nhân Vương Bát Nhã mà trời giáng mưa.

Cảm ứng của Kinh Nhân Vương Bát Nhã bản cựu dịch.

cảm ứng của sự hoằng truyền Kinh Vô lượng nghĩa.

Cảm ứng của Công đức nghe Kinh Vô lượng nghĩa mà được sang lên cõi trời Đạo-lợi.

Cảm ứng của sự trì tụng Kinh Pháp Hoa đủ số một ngàn bộ hẳn có linh nghiệm.

Cảm ứng của sự ghi tả Kinh Pháp Hoa đủ tám bộ hẳn có được sự cứu khổ.

Cảm ứng của sự ghi tả Kinh Pháp Hoa nội trong một ngày liền được cứu khổ.

Cảm ứng của sự phân chia bày quyển Kinh Pháp Hoa giảng ở tám tòa.

Cảm ứng của Tam tạng Pháp sư Đàm ma Sấm hoằng truyền Kinh đại Niết-bàn.

Cảm ứng của Sa-môn Huệ Nghiêm san lược sửa đổi Kinh Niết-bàn bị thần quả trách.

Cảm ứng của sự ghi tả Kinh Niết-bàn được sinh về nước Bất Động.

Cảm ứng của sự nghe hai chữ “ Thường trú”.

Cảm ứng của sự đưa tay xúc chạm Kinh Niết-bàn.

Cảm ứng các vua ghi tả hết thấy Kinh.

1- Cảm ứng của một người sắp tụng Kinh Hoa Nghiêm dùng nước rửa tay, nước rơi vãi thấm ướt côn trùng được sinh lên cõi trời.

(Rút từ Kinh Điền và Du Ký).

Sa-môn Thích-Ca-Di-Đà-La người nước Chấp Sư Tử, tiếng Trung Hoa dịch nghĩa là “Năng Hữu” là người đã chứng đắc Tam quả. Khoảng đầu niên hiệu Lâm Đức (664) thời Tiền Đường, ngài vân du đến Chấn Đán (Trung Hoa), tham lễ khắp các Thánh Tích danh sơn chùa viện v.v... Ngài đến chùa Đại Nguyên ở phía Tây Kinh Đô, khuyên chư Tăng đọc tụng Kinh Hoa Nghiêm, mới gọi vị dịch ngữ hỏi: “Đó là Kinh gì?” Vị ấy đáp: “Kinh Hoa Nghiêm”. nghe thế, bất chợt ngài cải đổi sắc mặt và nói: “Không biết ở xứ này cũng có Kinh Hoa Nghiêm ư?” Và Ngài chấp tay hoan hỷ tán thán rằng: “Nếu nghe được chữ Đề mục Kinh Hoa Nghiêm, hẳn nhất định không đoạ lạc vào bốn đường xấu ác. Đó là công đức của Đại Phương Quảng chẳng thể nghĩ bàn! Ở Tây vực tương truyền rằng: Có người dùng nước rửa tay lúc sắp tụng Kinh này, nước ấy rơi vãi thấm ướt trùng kiến, nhân đó mà kẻ xả bỏ thân mạng về sau được sinh lên cõi trời, hưởng gì là người thọ trì đọc tụng, phước lợi ấy thật không thể nghĩ bàn. Tôi từng nghe ở phía đông nam nước Vương Điền cách chừng hơn hai ngàn dặm có một nước tên là Giá Câu Bàn, bên cạnh cung vua có một tinh xá, trong đó các Sa-môn tu Pháp đại thừa đọc tụng Kinh Hoa Nghiêm, vua tôi rất mực cung kính công đức tinh xá ấy. Bỗng nhiên vào nửa đêm có toả phóng ánh sáng soi chiếu khắp trong thành, trong ánh sáng ấy có trăm ngàn người trời dùng các thứ y phục cõi trời, ngoạ báu, anh lạc v.v... đến hiến dâng vua và các Sa-môn. vua hỏi: “Người là ai?” Người đáp: “Tôi là côn trùng ở bên cạnh tinh xá, do Sa-môn dùng nước rửa tay lúc sắp tụng Kinh Hoa Nghiêm, nước ấy rơi vãi thấm ướt, nhân đó mà tôi xả bỏ thân mạng, được sinh lên cõi trời Đạo-lợi. Ở trên cõi trời được Pháp như vậy mới biết rõ về bản nhân nên xuống cùng báo đáp thâm ân”. vua nghe người trời nói như thế, buồn vui lẫn lộn, liền chế ước định rằng: “Nước ta riêng Kính trọng Phật Đại thừa, không nên lưu hành pháp Tiểu thừa”. Từ đó trở về sau, trải qua nhiều đời vua ở nước ấy thấy đều tụng kính trọng pháp Đại thừa. Những bậc Danh tăng ở các nước vào nước đó đều phải trải qua sự khảo xét, nếu là người học pháp Tiểu thừa thì mời đi không giữ lại, còn người tu học Phật đại thừa thì thỉnh mời lưu giữ lại để cúng dường, mãi đến ngày nay ước định ấy vẫn không cải đổi. Ở trong cung vua tự có các Kinh Hoa Nghiêm, Ma-ha Bát Nhã, Pháp Hoa v.v... Cả mười hai loại bộ Kinh giáo và cả mười vạn kẻ tụng. vua tự thọ trì, đích thân nắm giữ chìa

khóa cửa. Khi đọc tụng thì chưng bày hương hoa để cúng dường, những điều kỳ đặc như thế có lắm nhiều vậy.

2- Cảm ứng của sự các Sa-môn tu pháp Tiểu thừa ở chùa Tỳ Sát Noa đem Kinh Hoa Nghiêm đặt để dưới Kinh A-hàm mà Kinh Hoa Nghiêm thường nằm trên Kinh A-hàm.

Sa-môn Tam Tạng Pháp sư Nhật chiếu nói rằng: “Ở phía nam Thiên Trúc gần thành Chiêm Ba có một ngôi già Lam tên là Tỳ Sát Noa. Trong đó có các Sa-môn tu pháp Tiểu thừa thường sống. Về sau có một pháp sư tu pháp Đại thừa mang đến đó một pho Kinh Hoa Nghiêm. Các Sa-môn tu pháp Tiểu thừa chẳng tỏ vẻ kính tụng. Vị pháp sư Đại thừa ấy lưu để bộ Kinh ấy lại đó mà đi. Các Sa-môn học pháp Tiểu thừa trong Tâm chẳng tin nên đem pho Kinh ấy ném vất trong giếng. Sau đó thấy trong giếng tỏa phóng ánh sáng như lửa dữ. Tuy lâu ngày ở trong giếng mà pho Kinh ấy không hề bị thấm ướt, các Sa-môn tu pháp Tiểu thừa mới tin Kinh ấy là do chính Đức Phật giảng nói song vẫn chẳng bằng Kinh giáo Tiểu thừa, bèn đem bộ Kinh ấy đặt để dưới các Kinh Luật như A-hàm, v.v... Đến sáng ngày hôm sau liền thấy bộ Kinh ấy nắn ở trên các Kinh luận kia, mới quở trách lớp nhỏ trong chùa: “Mới đặt xuống dưới trở lại như cũ, Qua sáng ngày hôm sau, Bộ Kinh ấy cũng lại nằm ở trên các Kinh luận kia, qua vài lần như thế, các Sa-môn tu pháp Tiểu thừa rất kinh hãi, mới biết bộ Kinh ấy hơn hẳn ác Kinh luận mà mình hiện đang tu học, bèn ngã mình nơi đất lăn lóc khóc gào sám hối hồi tâm, cùng nhau chuyên thọ trì chỉ một bộ Kinh Hoa Nghiêm và hoằng truyền hưng thịnh tại nước ấy vậy.

3- Cảm ứng của Sa-môn Thích Linh Cán giảng Kinh Hoa Nghiêm thấy cung trời đến nghinh đón mà cải đời sinh về thế giới Hoa Tạng.

(Rút văn từ các Kinh truyện).

Sa-môn Thích Linh Cán thường giảng Kinh Hoa Nghiêm, xa gần đều đợm nhuần. Năm Khai Hoàng thứ mười bảy (597) thời nhà Tùy, ngài cảm mắc bệnh nên chết ngắt, chỉ nơi tim còn ấm nên mọi người chưa dám tổn liệm an táng. Sau đó, ngài tỉnh lại kể rằng: “Ta sinh lên cung trời Đâu-suất, thấy hai pháp sư Huệ Hưu và Huệ Viễn đều ngồi trên đài hoa tỏa phóng ánh sáng khác thường ở trên thế gian, bảo cùng ngài rằng: “Ông cùng các đệ tử của ta sau này đều sinh lên đây”. Đến tháng giêng năm Khai Hoàng thứ mười tám (598) thời nhà Tùy, ngài thị tịch, hưởng thọ bảy mươi tám tuổi, bèn hoả táng tại phía bắc núi Chung

Nam.

Lúc bình sinh ngài luôn giữ chí kính phụng Kinh Hoa Nghiêm, thường y theo nguyên bản mà khởi quán tưởng thế giới liên Hoa Tạng và Di Lạc Thiên cung. Đến lúc cảm mắc bệnh rất lắm, ngài thấy trên trông mắt mà chẳng nói cùng mọi người, lâu sau mới trở lại như thường, có Sa-môn Đồng Chân chăm sóc bệnh ở bên cạnh, Ngài mới bảo cùng Đồng Chân rằng: “Vừa rồi ta thấy có Đồng Tử mặc áo sinh dẫn đến cung trời Đâu-suất. Mà những sự an vui ở cung trời chẳng được lâu dài, rốt cùng sẽ rơi lạc luân hồi, Thế giới liên Hoa Tạng là nơi ta thường mong tính”. Sau đó không lâu, ngài ngưng thở, chỉ chốc lát trở lại, Đồng Chân hỏi ngài trông thấy gì. Ngài bảo: “Thấy nước lớn khắp đây, có hoa sen lớn như bánh xe, ngồi trên hoa đó, điều ước nguyện đã tròn đây”. Phút chốc ngài bèn thị tịch vậy.

4- Cảm ứng của sự phát nguyện ghi tả Kinh Hoa Nghiêm của quan Triều tán Đại phu Tôn Tuyên Đức ở thời tiền Đường.(Tân Lục).

Tôn Tuyên Đức là quan triều Tán Phu thời Tiền Đường là người ở huyện Vĩnh An, Ung Châu. Tuyên Đức nương theo nhân duyên phát nguyện, sắp tu tạo Kinh Hoa Nghiêm. Đang lúc gặp việc bèn sinh tâm Bất tín liền phế bỏ tất cả, trái lại không việc ác gì chẳng làm. Về sau, đang lúc đi săn bắn bị rơi trên mình ngựa xuống đất nên chết ngất, trải qua một ngày, sống lại buồn khóc vật vờ, ăn năn hối lỗi quá mà tự trách nói cùng Tư Mạc rằng:

“Lúc đầu tôi mới chết thấy ba người ở Minh Quan đuổi bắt đưa đến trước một thành lớn. các Đại thần trong ngũ đạo theo thứ tự mà xếp hàng. vua Diêm-ma ngồi yên tại chỗ tỏ vẻ tức giận mà quát mắng tôi rằng: “Người là người ngu si, là kẻ phóng túng tạo ác. Theo các loại cầm thú mách tố bị giết hại chẳng phải phần mà kêu bắt người”. Liền thấy trong sân có trăm ngàn muôn vật bị tôi giết hại mỗi mỗi hướng đến vua tấu trình nguyên do chẳng phải phần mà bị cướp mất mạng sống” vua càng tức giận. Khi ấy có một Đồng tử tự xưng là Thiện tài bỗng nhiên đến nơi chỗ vua. vua cung Kính từ chỗ ngồi bước xuống chấp tay vái chào Đồng tử. Đồng tử bảo: “Người có thể phóng thả Tuyên Đức, người ấy phát tâm tu tạo Kinh Hoa Nghiêm mà chưa hòa thành. Lúc phát nguyện, người ấy không gì chẳng là tín tâm. Há vì việc ác về sau này mà vất bỏ nguyện Thiện trước kia ư?” vua hoan hỷ nói rằng: “Lý thật đúng như vậy, nên có thể phóng thả trở về. Và nhờ Đồng tử chỉ đường trở về mà được sống lại”.

Thật công đức của Kinh Đại Hoa Nghiêm không thể nghĩ bàn. Từ đó Tuyên Đức bèn sám hối những ngu muội cửa trước, dốc hết của cải ghi tả tu tạo Kinh Hoa Nghiêm. Đến năm tám mươi sáu tuổi, trước lúc qua đời, Tuyên Đức nói cùng bè bạn thân thích rằng: “Tôi ghi tả Kinh Hoa Nghiêm được sinh lên cung trời Đâu-suất, phụng thờ đức Từ Thị”. Nói xong bèn qua đời.

5- Cảm ứng của Hành chứng ở phía đông chợ vì người thân mà ghi tả Kinh Hoa Nghiêm đề cứu khổ. (Rút văn từ Kinh Truỵện).

Ngày mồng một tháng năm năm Điều Lộ thứ hai (680) thời Tiền Đường, có Khương A Lục Sơn-người huệ nạn Niên, Ung Châu bị cảm mắc bệnh mà qua đời. Năm ngày sau sống lại, A Lục Sơn tự nói các điều ở Minh Đạo, bĩ lằm bắt đến chỗ vua Diêm-ma, khi ấy thấy người làm thuốc A Dung sư ở phía Đông chợ mà đi, A Dung sư cảm mắc bệnh nên đã qua đời từ năm Điều Lộ thứ nhất (679) thời Tiền Đường. Lúc sống chiên nấu thịt gà, nên cùng bảy trăm người sa đọa vào Địa ngục vạc sôi, vì trước kia cùng có biết A Lục Sơn nên bèn nhắn lời về nói rằng: “Hành chứng là người con thứ tư của tôi hơi có chút nhân từ, ông nên nói với nó, bảo ghi tả cho tôi một bộ Kinh Hoa Nghiêm. Tôi chẳng cùng gặp được nó. Nếu như vừa mới ghi tả Kinh ấy thì bả trăm người đây đều được giải thoát”.

A Lục Sơn đi sang phía đông chợ mua thuốc ở nhà A Dung, đem lời nhắn nhủ của A Dung sư nói cùng hành Chứng. Hành chứng rất buồn cảm bèn đến chùa Đại Nguyên ở phía Tây tỉnh Kinh và mời người ghi tả. Kể từ khi A Dung sư qua đời, mọi người trong nhà không ai mộng tưởng, đến đêm đầu tiên mới ghi tả Kinh cả nhà đều đồng mộng thấy A Dung sư đến tỏ vẻ rất vui mừng không thôi. Đến tháng tám năm Vĩnh Long thứ nhất (689) thời Tiền Đường, công việc ghi tả Kinh Hoa Nghiêm được hoàn tất, thỉnh mời Đại Đức Pháp Tạng và các Sa-môn nghĩa học cùng vui mừng Kinh mà thiết cúng. Ngày đó A Lục sơn cũng có vinh dự tham tại hội, mới thấy A Dung sư v.v... cả thấy bảy trăm quỷ chúng đều đến nơi thiết trai, lễ kính Tam bảo, đồng quỳ trước chư tăng mà sám hối thọ giới. Khi pháp sự hoàn tất, A Dung sư nói rằng: “Chúng tôi nhờ sức lực của Kinh mà được cải đổi quả báo sinh lên Thiên Đường”. Nói xong bèn đi. A Lục sơn đã thoát khỏi và đã thấy rõ mọi sự ở Minh ty nên rất Kính tin mỗi điều tội nghiệp vậy.

6- Cảm ứng của Vương Thị Cảm được Bồ-tát Địa tạng dạy tụng

kệ Kinh Hoa Nghiêm mà phá dẹp Địa ngục. (Rút từ Kinh truyện biệt kỳ v.v...)

Tại Kinh đô có người giòng họ Vương mà không biết tên là gì (Tô ghi là Định tạng). Người ấy vốn đã không giới hạnh, lại chẳng từng tu tập thi pháp. Năm Văn Minh thứ hai (686) thời Tiền Đường, nhân cảm mắc bệnh, người ấy qua đời, thấy hai người dẫn đến cửa Địa ngục. Vương thị vốn phụng thờ Bồ-tát Địa tạng, thấy có một vị tăng nói là Bồ-tát Địa tạng mới dạy cho Vương thị tụng một hàng kệ trong Kinh. Bài kệ đó là:

*“Nếu người muốn biết rõ
Chữ Phật trong ba đời,
Phải nên quán xét là
Tâm tạo chư Như Lai.”*

Bồ-tát bảo rằng: “Tụng được kệ ấy tức có thể phá dẹp Địa ngục”. Vương thị tụng xong, bèn vào chỗ vua Diêm-ma. Vua hỏi: “Người này có công đức gì?” Đáp rằng: “Chỉ thọ trì được một bài kệ bốn câu” đầy đủ như ghi trên, vua bèn phóng thả Vương thị. Đang lúc Vương thị tụng đọc bài kệ đó âm thanh vang vọng đến người nhận chịu khổ được nghe mà đều được giải thoát. Ba ngày sau, sống lại, Vương thị nói lại việc ấy cùng các Sa-môn (Một bài kệ ấy tức trong Phẩm. “Vô lượng chư vị Bồ-tát vân tập nói pháp tại cung trời Da ma” Ở Kinh Hoa Nghiêm quyển mười hai vậy).

7- Cảm ứng của Sa Di Định sinh ở chùa Không Quán thấy Địa ngục Hồng Liên mà lầm cho là Thế giới Hoa Tạng. (Rút văn từ Biệt Lục).

Sa Di Định sinh Phụng vâng pháp tắc của chúng tăng chẳng hay đọc tụng Kinh giới. Nghe nói về tướng của thế giới Hoa Tạng, trong tâm thường gluoôn mến mộ ưa thích, phóng tứ lầm làm mọi việc od chúng Tăng bị đoạ vào nơi Địa ngục Hồng Liên Hoa mà lầm cho đó là Thế giới Hoa Tạng, hoan hỷ ngợi ca “Cõi nước Hoa Tạng vi diệu”. Khi ấy cả Địa ngục biến thành Hoa Tạng. Những người nhận chịu khổ nghe lời xướng ấy đều ngồi trên Hoa sen. Bấy giờ, quan cai quản ngục tâu cùng vua Diêm-ma. vua bảo: “Đó là do sức lực của Kinh Đại Hoa Nghiêm không thể nghĩ bàn vậy”. Và liền nói lời kệ tụng rằng:

*“Quy mạng Hoa Nghiêm
Nếu nghe tên Kinh,
Hay phá Địa ngục*

*Các vật nơi ngục
Và đều tự thấy
Kinh chẳng nghĩ bàn
Một kệ bốn câu
Giải thoát nghiệp buộc
Đều thành Hoa Tạng
Ngôi Hoa sen báu”.*

Qua một ngày một đêm sau, Sa Di Định sinh mới sống lại, tự nói kể về nhân duyên ấy. Và từ đó về sau có sự tỏ thông. Sau khi đã nhóm tập đầy đủ, không biết sa Định sinh du phương như thế nào.

8- Cảm ứng của Rồng con theo Tỳ-kheo Tăng Độ tụng tập bốn bộ Kinh A-hàm. (Rút từ văn Kinh Tăng Hộ).

Xưa kia, lúc Đức Phật còn tại thế, trong nước Xá Vệ có năm trăm Thương nhân vào trong biển lớn tìm cầu Châu báu. Họ thỉnh mời Tỳ-kheo Tăng Hộ vì họ làm vị pháp sư. Khi chưa đến chỗ vật báu, vua Rồng đến gìn giữ thuyền ngừng lại, các Thương nhân Kinh sợ ngửa mặt hỏi: “Thần Kỳ nào mà kéo cản thuyền dừng lại vậy?” Khi ấy, vua Rồng hiện thân thỉnh mời Tỳ-kheo Tăng Hộ, các Thương nhân sợ oai lực của Rồng nên để ngài ở lại mà tự ra đi. Vua Rồng mừng vui dẫn ngài đến trong cung, Rồng có bốn Rồng con rất thông minh trí tuệ xin là Đệ tử ngài. vua Rồng thưa ngài rằng: “Xin ngài vì tôi mà dạy dỗ bốn Rồng con ấy, mỗi mỗi học một bộ A-hàm, Rồng con thứ nhất, ngài dạy cho học Kinh Tăng nhất A-hàm, Rồng con thứ hai ngài dạy cho học Kinh tăng Nhất A-hàm, Rồng con thứ ba ngài dạy cho học Kinh Tạp A-hàm và Rồng con thứ tư ngài dạy cho học Kinh Trường A-hàm.” Ngài liền vì chỉ dạy cho đó. Trong đó, Rồng con thứ nhất thì im lặng nghe nhận, Rồng con thứ hai thì nhắm mắt ngủ miêng đọc tụng bằng, Rồng con thứ ba thì xoay nhìn nơi khác mà nghe nhận, và Rồng con thứ tư thì đứng xa mà nghe nhận. Bốn Rồng con ấy rất thông minh trí tuệ nên chỉ trong sáu tháng tụng thông bốn bộ Kinh A-hàm, nhớ giữ trong lòng. Không một sai sót. Khi ấy vua Rồng hỏi: ngài có buồn phiền gì chăng?” Ngài đáp: “Rất buồn, tại sao? Người thọ trì Kinh pháp, cốt yếu cần phải có phép tắc. Các Rồng con đây ở trong loài súc sinh không tuân khuôn phép nên không đúng như o pháp mà thọ trì đọc tụng”. Vua Rồng thưa cùng ngài rằng: “Đại Đức chớ nên quở trách tôi. Vì muốn gìn giữ mạng sống của pháp sư, phạm loài rồng chúng tôi có bốn thứ độc, nên không được đúng như pháp mà thọ trì tụng tập. Tại sao? Sở dĩ im lặng mà nghe

nhận là vì lời tiếng độc hại nên vậy, nếu mở miệng phát lời hấn hại mạng sống của pháp sư, cho nên im lặng mà nghe nhận. Nhắm mắt ngủ mà nghe nhận vì thấy hấn độc vậy, xoay nhìn nơi khác mà nghe nhận là vì giữ độc. Đứng xa mà nghe nhận là vì xúc chạm đến độc hại vậy”. Bấy giờ, các Thượng nhân trở về lại chỗ mất ngài. Vua Rồng biết tâm niệm của các Thượng nhân nên liền đưa ngài trả lại cho các Thượng nhân v.v... Rồng mà còn cần phải tụng tập hưởng gì là người ư.

9- Cảm ứng của Sa-môn Thích Tăng Du ở nước Tân La tụng Kinh A-hàm, vắng sinh về Tịnh độ. (Tân lục).

Sa-môn Thích Tăng Du, ngài người nước Tân La, xuất gia từ thuở thiếu thời, quy tâm với giáo điển Tịnh độ. Thấy những người tụng tập Kinh A-hàm, bèn quả trách khiến bỏ. Ngài mộng thấy đến cõi Tịnh độ Cực lạc ở cửa phía đông, sắp vào trong cửa, dùng ấy có Vô lượng Đồng tử người trời đứng tại ngoài cửa dùng gậy báu đuổi ngài ra mà bảo rằng: “Tiểu đạo diệt mất thì Đại giáo cũng cùng diệt, vì tiểu pháp là thêm thang để bước lên Đại Đạo, là khuôn phép ở cõi nước của ông vậy. Khinh mạn Kinh A-hàm, xả bỏ mà không tập tụng thì không thể vào trong cửa Đại thừa v.v... “Sau khi tỉnh mộng, ngài buồn khóc hối quá, kiêm chuyên thọ trì đọc tụng bốn bộ A-hàm, được cảnh Tịnh độ đến nghinh đón. Đệ tử cũng mộng thấy ngài ngồi trên hoa sen đến bảo là: “Ta ở cõi Ta Bà kiêm tụng tập Kinh A-hàm, do tụng tập ấy nên trước được tiểu đạo, không bao lâu nữa sẽ trở vào Đại Đạo vậy.

10. Cảm ứng của sự ghi tả Kinh A-hàm được sinh lên cõi trời. (Rút từ Ngoại quốc Ký).

Xưa kia, sau khi Đức Như Lai diệt độ trong khoảng một trăm năm, vào nửa đêm có một người trời tòa phóng ánh sáng soi chiếu xuống chỗ Tháp Ngài A Na, rải hoa cúng dường. Bấy giờ có vị Đại A-la-hán hiệu là Cận Hộ tức thầy của vua A Dục hỏi người trời rằng: “Cớ sao ông thường đến lễ bái nơi tháp?” Người trời ấy đáp: “Xưa trước ghi toàn bốn bộ A-hàm nên được sinh lên cõi trời Đạo-lợi, đó là do ân đức của ngài A-nan, vì nhân duyên ấy nên thường lại cúng dường “. Ngài Cận Hộ lại hỏi: “Ở cõi trời ấy có ai như ông nữa chăng? Người trời ấy đáp: “Có cả trăm ngàn người đôn nghiệp trong đó hành trì Bộ Tăng Nhất A-hàm mà được sanh lên cõi trời có lắm nhiều vậy.”

11- Cảm ứng của A-la-hán Phú Na Xá ở nước Kiên-Đà-Vệ xưa

trước nghe Kinh Trung A-hàm.

Xưa kia, tại nước Kiền Đà Vệ có tinh xá Cù Mà Di, trong đó có vị A-la-hán tên là Phú Na Xá, với Tam minh lục thông thấy đều thấu triệt, suốt ngày đêm ngài thường trì tụng Kinh Trung A-hàm, chưa từng tạm phế bỏ. Có người hỏi ngài rằng: “Sư đã chứng quả vị Thánh cùng cực, cố sao riêng ưa thích tập tụng?”. Ngài đáp: “Ban đêm Tôi an trú trong Tam muội xét biết nghiệp đời trước. Xưa kia, tôi bị sinh trong loài chó theo một vị Tỳ-kheo mà đi. Vị Tỳ-kheo ấy tụng Kinh Trung A-hàm, Tôi theo nghe đó mà vui thích nên không tru sữa, nhờ một căn lành ấy nên được sinh trong nhà Bà-la-môn ở nước Kiền Đà Vệ xuất gia tu tập mới chứng đắc quả vị A-la-hán. Vì nhân duyên ấy nên tôi thường trì tụng không phế bỏ vậy.

12- Cảm ứng của năm trăm con dơi ở bờ biển Nam Hải nghe giảng A-tỳ-đạt-ma Tạng mà chứng đắc thành năm trăm vị A-la-hán. (Rút từ Tây vức truyện)

Xưa kia, tại bờ biển nam Hải có một cây khô, có năm trăm con dơi cùng nhóm tụ ở trong bông cây. Có đoàn thương buôn đến dừng nghỉ dưới gốc cây, gặp tiết giá rét, mọi người đều đói lạnh, nên nhóm chaốt củi khô đốt lửa phía dưới, lửa khói dần bốc mạnh, cây khô bên bị thiêu. Khi ấy trong đoàn thương buôn có một khách buôn đã quá nửa đêm đọc tụng A-tỳ-đạt-ma tạng, các con dơi tuy bị lửa nóng thiêu đốt khốn khổ nhưng vui thích được nghe pháp âm nên nhẫn chịu chẳng bay đi, đó mạng chung, thậm thức theo nghiệp thõ sinh đều được làm thân người, bỏ nhà xuất gia tu tập theo giáo Tiểu thừa, nhờ thông minh lợi trí nên đều chứng đắc quả Thánh. Nên khi vua Ca Nị sắc Ca cùng Kiếp Tôn giả chiêu tập năm trăm vị Hiền Thánh đến ở nước Ca Thấp Di La trước thuật luận Tỳ-bà-sa, đó chính là năm trăm con dơi ở trong bông cây khô ấy vậy.

13- Cảm ứng của con chuột ở nước Kế Tân nghe tụng Luật tạng mà chứng đắc Quả vị A-la-hán.

Xưa kia, ở tinh xá A-la-hán mật Điền Địa tại nước Kế Tân, có một vị A-la-hán chứng đắc Tam minh Lục thông, thấu đạt Tam Tạng, mười hai phần loại Kinh giáo. Trong đó, riêng về giới luật rất thanh cao tương đồng như Tôn giả Ưu Ba Ly lúc còn tại thế, thường quở trách khuyên răn Môn đồ rằng: “Các ông phải siêng năng tu học giới luật. Tại sao? Tôi xưa trước khi đang ở phân vị, do vì nghiệp ác nên nhận chịu làm

thân chuột ở nơi hang đá. Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo thường đêm ở trong hang đá ấy đọc tụng giới luật. Tôi lắng nghe đó. Do căn lành ấy mà được làm thân người tu tập chứng đắc quả vị A-la-hán, thông rành giới luật. Do từ làm thân chuột lắng nghe Luật tạng còn được như thế, huống gì người có tín tâm tu hành ư?”

14- Cảm ứng của vị Tỳ-kheo trì Luật Cảm người trời cúng dường.

Xưa kia, trong tinh xá Khả Duy ở nước Kế Tân, có hai vị Tỳ-kheo, trong đó một người thọ trì Luật tụng, một người thọ trì Luận tạng. Mọi người đều đem các thứ ăn thượng diệu đến cúng dường Luật sư. Vào nửa đêm, người trời lại đến cúng dường lễ bái vị Tỳ-kheo hành trì luật mà không lễ bái cúng dường vị Tỳ-kheo hành trì luận tạng. Cứ như vậy, hơn một tháng sau, vị Tỳ-kheo hành trì luận tạng trong tâm khởi nên tức giận. Người trời bèn quở trách rằng: “Giới luật mở đường cho người và trời và cho đến cả Đạo giả Niết-bàn. Vì nhân duyên ấy nên người trời đều kính trọng trì tụng, Không nên hối hận”. Khi ấy vị Tỳ-kheo hành trì Luận tạng và vị Tỳ-kheo hành trì luật tạng đều tinh cần tu tập nên đồng chứng đắc sơ quả. Và Người trời cúng dường cả hai vị Tỳ-kheo ấy vậy.

15- Cảm ứng của Đức Phật Thích-ca trong kiếp xa xưa lúc còn ở Phàm vị được một hộp Kinh Đại tập mà diệt tội, chứng đắc thân thông. (Rút từ tập Pháp diệt xả khổ Đà La vi Kinh, tức bản riêng lưu hành trong Kinh Đại tập vậy).

Trong vô lượng kiếp xa xưa, Đức Phật Thích-ca lúc còn tại trong phàm phu, với tên gọi là Già Tha, ở nước Gia Thâu La làm người Thương khách buôn bán để sống, hư dối không thật, tạo các việc ác, giết hại cha mền yêu mẹ. Trải qua vài năm, dân chúng trong nước ai ai cũng biết, rêu rao gọi: “Già Tha Đả giết hại cha mền mẹ yêu”. Khi ấy, ngài tự suy nghĩ mình chẳng khác gì với loài súc sinh, nên trong đêm tối ngài vượt thành chạy đến trong đầm sâu. vua nước ấy tên là Xà Xà La báo cùng dân chúng trong nước: “Đó tức là kẻ dâm si vô đạo. Nếu ai bắt được thì sẽ ban thưởng các thứ vật báu”. Dân chúng trong cả nước đều nhận lời vờ gọi ấy, muốn bắt được thân ngài. Ngài bèn vượt ra nước ngoài làm vị Sa-môn. Khi ở tại nước khác ngài toạ Thiền học Đạo, ngày đêm đổ lệ than khóc suốt ba mươi bảy năm, vì chướng ngại của tội ngộ nghịch, nên trong tâm no, sở đắc. Suốt ba mươi bảy năm ngài ở trong hanh núi gào khóc buồn than. Ngài xuống hang núi đi khuất thực,

giữa đường bèn được một bình bát lớn. Trong bình bát có một tập Kinh. Không Kinh gì khác mà chỉ có “Kinh Đại tập Pháp duyệt xả khổ Đà La ni”. Kinh ấy có khả năng dứt trừ các tội nặng ngũ nghịch sinh tử trong năm trăm ức kiếp. Nếu người thọ trì đọc tụng trọn không sa đoạ trong ba đường xấu ác. Tại sao? Vì Kinh ấy do chư Phật nhiều hơn số cát sông hằng giảng nói vậy. Khi có được Kinh ấy rồi, ngài không đi khát thực nữa, vui mừng trở lại trong hang núi, đốt hương lễ bái, buồn khóc tán ngưỡng, ngài ở trong hang núi tu tập đọc tụng, trải qua một năm mới được, nhưng vì tội nghiệp chướng ngăn nên không thể thấm đượm vào tâm. Lại trải qua vài năm tu hành, ngài mới bay đi không ngại, thấy được chư Phật ở mười phương. :ại như có hành trì thì đúng như pháp mà hành trì vậy.

16- Cảm ứng của Tỳ-kheo Đạo Như ở Trinh Châu chỉ nghe danh tụng Kinh Phương Đẳng mà được sinh về Tịnh độ.

Tại Tinh Châu có vị Tôn giả tên là Đạo như. Từ năm bảy tuổi trở đi, ngài đã hiểu niệm Phật, nhưng chẳng tu niệm Phật, chẳng trì trai giới, cất chứa vật bất tịnh, thân có trái phạm cũng không hề sám hối. Đến lúc sáu mươi một tuổi, mắc phải bệnh phong, hơn một Tháng sau thì qua đời. Ba ngày sau sống lại, ngồi dậy nhẹ nhàng, bệnh chứng dứt trừ, kể rằng: “Lúc tôi mới chết, thấy các Bồ-tát Quán Âm, Thế chí đến chỉ dạy lợi mừng, bảo rằng: “Người chẳng tu nghiệp Tịnh độ, chỉ nghe danh tụng các Kinh điển Đại thừa Phương đẳng, mười hai bộ loại Kinh giáo. Do nhân duyên đó mà tội cấu dạt phai, xa lại ảnh hưởng, Thọ mạng còn chưa hết. Mười hai năm sau, Ông sẽ sinh về Tịnh độ.” Tôi bèn chấp tay rơi lệ, mới sống tỉnh lại”. Và bèn xả bỏ tất cả mọi vật của mình tu tạo các Kinh Phương Đẳng Đại Tập, Kiên tu niệm Phật. Đến ngày mười lăm Tháng giêng năm thứ mười hai, ngài mới thị tịch, trong phòng có tiếng âm nhạc, trời rải mưa hoa, mọi người đều thấy nghe thế.

17- Cảm ứng của Sa-môn Đàm Vinh và Tăng Định hành về trì pháp sám Phương Đẳng mà được thọ ký.(Đường cao Tăng truyện).

Năm Trinh Quán thứ bảy (637) thời Tiền Đường, Sa-môn Thích Đàm Vinh ở chùa Pháp Trú, nhân sự thỉnh mời của các cư sĩ Thường Ngưng Bảo v.v... mà hành trì pháp sám hối Phương Đẳng tại chùa Pháp trú. Đến ngày mười bốn tháng bảy, có Sa-môn Tăng Định là người đồng ở chùa ấy là bậc giới hạnh tinh cao, ở trong Đạo tràng thấy ánh sáng lớn soi chiếu từ trên xuống; năm sắc rực rỡ, trong ánh sáng có bảy Đức

Phật tướng tốt khác thường nói cùng Tăng Định rằng: “Ta là Tỳ Bà Thi Như Lai vô sở trước chư Chân Đăng chánh giác. Vì người tội chứng tiêu diệt nên ta lại làm chứng, nhưng chẳng phải là Bản sư nên Ta chẳng vì thọ ký cho người”. và như vậy có đến sáu Đức Phật đồng nói như thế, cuối cùng có một Đức Phật nói rằng: “Ta là Bản sư Thích-ca Mâu-ni, vì người tội chứng tiêu diệt nên ta lại thọ ký. Sa-môn Đàm Vinh là nhân duyên tốt lành cho người diệt trừ tội chứng, ở trong đời Hiền Kiếp thành Phật là Phổ Ninh, người có được thân khí thanh tịnh, về sau sẽ thành Phật cũng hiệu là Phổ Ninh”. Ứng hiếu cảm nên linh tướng như thế, tin thật khó cùng vậy.

18- Cảm ứng của Đại sư Trí giả ở thời nhà Tuỳ giảng Kinh Tịnh Danh. (Rút từ truyện và Thuyết truyện v.v...).

Đại sư Trí giả ở thời nhà Tuỳ, ngài tên huý là Trí Khải, vốn dòng họ Trần, người xứ Dinh Quyên. Khi ngài ra đời thì đất nổi lên một ngọn núi tên là Đại Hiền, đến kúc ngài tịch thì xuống núi ấy cũng theo ẩn chìm làm thành Hồ Đại Hiền vậy. Ngài giảng Kinh Tịnh Danh lần lược bỗng thấy ba đường thêm cấp báu tử giữa không trung mà xuống, một hội ở cõi nước Đức Phật A sơ nghiêm nhiên mà hiện. Có hàng chục vị Phạm tăng cầm nắm lò hương vào trong giảng Đường đi nhiễu quanh ngài ba vòng mà tán thán rằng:

*“Lành thay Trí Khải
Khéo ngộ ý Phật
Tôi lại ảnh hưởng
Cảm ứng như vậy”.*

19- Cảm ứng của Sa-môn Thích Phổ Minh ở Lâm Truy thời Tiền Tống tụng Kinh Duy ma. (Rút từ Lương cao Tăng truyện).

Trong thời Tiền Tống tại Lâm Truy có Sa-môn Thích Phổ Minh chuyên trì tụng hai bộ Kinh Pháp Hoa và Duy ma. Khi ngài tụng Kinh Duy Ma, nghe giữa không trung có tiếng nhạc xướng, Ngài lại khéo giỏi về thần chú, cứu giúp đều tốt lành, có người vợ của Vư Đạo Chân ở trong làng quê bị bệnh, thỉnh mời ngài chữa trị, ngài mới vào, người vợ ấy bèn chết ngất, bỗng thấy có một vật con Ly dài cả vài thước v.v...

20- Cảm ứng của một thư sinh ở Sơn âm; cõi kê ghi tả Kinh Duy Ma mà dứt trừ khổ bệnh cứu độ người thân đã qua đời. (Tân lục)

Ở huyện Sơn âm, Cối Kê có một Thư sinh mất cả họ lẫn tên, trong

thân mình có chút bệnh tật, Thư sinh ấy phát nguyện ghi tả Kinh Duy Ma, ngay đêm mới lập đề Kinh, mộng thấy có một Thiên nữ đến đưa tay xoa thân mình Thư sinh. Sau khi tỉnh mộng, thân liền hết bệnh, Thư sinh ấy càng phát tín tâm, đến lúc hoàn tất một Bộ Kinh, Thư sinh ấy lại phát nguyện về song thân đã qua đời mà ghi tả thêm một bộ khác. Khi viết đến phần “Thăm Bệnh”, bỗng nhiên mộng thấy có vị trời nương trong mây mà đến dừng nơi phòng và bảo rằng: “Tôi là cha của người do vì nghiệp ác nên bị đọa trong Địa ngục tối tăm, người vì chúng ta mà tu tạo Kinh, bèn có ánh sáng soi chiếu đến nơi thân, nhân đó mà được dứt khổ, sinh lên cõi trời. Do vui mừng nên đến báo cho biết rõ nguyên nhân”. Khi đó Thư sinh lại hỏi: “Không biết thân mẫu hiện ở tại xứ nào?” Người ấy đáp: “Mẹ người vì tham lam của cải nên bị đọa trong loài ngạ quỷ, người ghi tả Kinh đến phẩm “Phật Quốc” thì mẹ người lìa khỏi khổ và liền sinh về cõi nước Bất động. Không bao lâu nữa Tôi cũng sinh về cõi nước ấy. Người nên ân cần ghi tả cho hoàn tất!” Khi đã tỉnh mộng, Thư sinh ấy buồn cảm rơi lệ. Bộ Kinh ghi tả hoàn tất lại thiết bày cúng dường. Thư sinh ấy lại mộng một quan nhân mặc y phục khác lạ cầm nắm cờ hiệu đến mà nói rằng: “Trong văn điệp vời gọi của vua Diêm-ma có tên ông, nói ông ghi tả Kinh Duy ma nên có thể sinh đến cõi nước Đức Phật Kim Lật. vua ban cho ông tuổi thọ thêm hai mươi năm. Ông nên nỗ lực chớ biếng lười”. Đến năm bảy mươi chín tuổi, Thư sinh ấy qua đời, thân sắc vàng ròng, mọi người đều gọi đó là sinh về cõi nước Đức Phật Kim Lật nên biểu hiện như vậy mà thôi.

21- Cảm ứng của Pháp sư Pháp tổ vì vua Diêm La mà giảng Kinh Thư Lăng Nghiêm.(Rút từ trong truyện).

Sa-môn Bạch Viễn tự là Pháp tổ, người xứ Hà Nội mới đến Trường An tạo dựng tinh xá. Ngài chuyên giảng tập Kinh Thủ Lăng Nghiêm. Bấy giờ có một người giòng họ Lý tên là Thôn chết đi sống lại kể rằng: “Thấy Pháp Tổ tại chỗ vua Diêm-ma, vì vua mà giảng Kinh Thủ Lăng Nghiêm, có vô lượng tội nhân nghe tiếng pháp sư giảng nên được sinh lên cõi trời thứ hai. Tự nói giảng xong sẽ sinh lên cung trời Đao-lợi. Ở các cõi trời ấy nếu nghe được Kinh này tức được công đức không thối lui.

22- Cảm ứng của Pháp sư Vân ở chùa Quang Tịnh giảng Kinh Thắng Ma mà trời giáng mưa.

Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương muốn cầu mưa,

Ngài Chí Công bảo thỉnh mời Pháp Sư Vân ở chùa Quang Trạch. vua liền thỉnh mời ngài giảng Kinh Thắng man mà trời mưa đơm nhuần khắp nơi.

23- Cư của người nữ nghèo khổ trì tụng Kinh Thắng ma mà hiện đời được làm Hoàng Hậu.(Rút từ Kim Bảo Ký).

Xưa kia, sau khi Đức Phật diệt độ trong khoảng ba trăm năm, tại nước A Du Xà, có một người nữ nghèo khổ thân thích đều không có, thường ngày chuyên lượm củi để tự nuôi sống, những lúc rãnh rỗi thì thọ trì Kinh Thắng man. Người nữ nghèo khổ ấy vì lượm củi mà vào núi, thân mình mệt lã nên chẳng thể trở ra, bèn nằm trong núi mà tụng Kinh. Bấy giờ vua vào núi săn bắn, bỗng nhiên thấy người nữ ấy có mây phủ trên thân mình, vua lấy làm lạ bèn đến gần trông xem, thấy rõ là một người nữ đoan chánh nên vui mừng đưa về cung, lập làm Hoàng Hậu. Tại nước ấy từ lâu không lưu hành Kinh điển, đến lúc đó mới trở lại thỉnh cầu giáo pháp, từ đó mới có được bản Kinh ấy.

24- Cảm ứng của Thiên sư Đạo Trân tụng Kinh A Di Đà mà được vãng sinh Tịnh độ.(Rút từ Thụy Ứng truyện)

Thiên sư Đạo Trân ở thời nhà Lương niệm Phật tạo Thủy Quán, mộng thấy nước có trăm người đi thuyền, ngài muốn sang Tây phương mới cầu xin được chở đi, người trên thuyền trộm thấy ngài không cho. Ngài nói: “Một đời tôi tu nghiệp tây phương, cố sao không cho?” Người trên thuyền bảo: “Hạnh nghiệp sư chưa tụng Kinh A Di Đà và tạo nhà tắm”. Kho đo, thuyền mọi người đồng một lúc đều đi. Ngài không được đi bèn khóc gào đến tỉnh giấc mới trì tụng Kinh A Di Đà và làm phòng tắm chúng Tăng. Lúc khác ngài lại mộng thấy một người cưỡi trên lâu đài bằng bạc trắng hoa tay bảo ngài rằng: “Hạnh nghiệp của ông đã viên mãn cần khéo nên dụng tâm nên ta đến cùng báo, nhất định người sẽ vãng sinh về Tây Phương”. Đến đêm ngài thị tịch, trên đỉnh núi sáng rực như có vài mươi đốm lửa, có mùi hương thơm khác lạ lan tỏa khắp chùa. sau khi ngài tịch có người nhặt được duy ký lúc bình sinh của ngài trong hộp Kinh.

25- Cảm ứng của pháp sư Đàm Loan được Kinh Quán Vô lượng Thọ mà vãng sinh Tịnh độ.

Trong thời nhà Tề, Pháp sư Đàm Loan gặp được Kinh Tiên mười quyển ở tại Trung Hoa, muốn phỏng hỏi Đào Ân để ở học Tiên thuật.

Sau, gặp được Tam Tạng Pháp sư Bồ-đề, ngài hỏi: “Trong Phật Pháp có pháp trường sinh bất tử ưu thắng hơn Kinh Tiên ở xứ này chăng? Ngài Bồ khạc nhổ nơi đất mắng quở trách rằng: “tại phương này nơi nào có pháp Trường sinh bất tử? Giả sử như có kéo dài mạng sống cuối cùng cũng vẫn đọa lạc trong ba cõi. và liền đem Kinh Quán Vô lượng thọ trao cho ngài mà bảo rằng: “Đây là Đại Tiên Phương, y cứ đó mà thực hành hẳn sẽ được giải thoát, xa lìa sinh tử”. Ngài liền lấy lửa thiêu đốt Kinh Tiên. Bỗng trong nửa đêm nọ, ngài cảm được Bồ-tát Long thọ vì nói kệ tụng. Ngài mới biết thọ mạng sắp chung, bèn cầm nắm lò hương xoay mặt về hướng tây xưng niệm danh hiệu Phật và thị tịch, nghe giữa không trung có tiếng âm nhạc từ phía tây vọng lại, chỉ chốc lát liền đi vậy.

26- Cảm ứng của Sa-môn Tăng cảm ở Tinh châu thọ trì Quán Kinh và Kinh A Di Đà mà được vãng sinh Tịnh độ.

Tại Tinh Châu có vị Tỳ-kheo tên là Tăng Cảm chuyên thọ trì Kinh Quán Vô lượng thọ và Kinh A Di Đà lấy làm hạnh nghiệp chánh. Ngài mộng thấy thân mình làm lông cánh, bên tả là văn Kinh Quán Vô lượng thọ và bên hữu là văn Kinh A Di Đà, ngài muốn bay lên mà thân còn hơi nặng. Sau khi tỉnh giấc ngài càng trì tụng hai Kinh ấy. Ba năm sau lại mộng thấy long cánh đã dài, ngài muốn bay, thân mình có phần nhẹ. Lại trải qua hai năm nữa ngài mộng thấy thân mình nhẹ dàng, bay vọt giữa hư không chẳng ngăn ngại, liền thẳng hướng tây mà bay đi đến nước Cực lạc. Khi ấy có một Đức Phật và hai vị Bồ-tát bảo ngài rằng: “Người nhờ sức tụng Kinh được đến nơi gần mé cõi Cực lạc, người sớm trở về lại nơi cõi Ta Bà, mỗi ngày trì tụng bốn mươi sáu quyển qua một ngàn quyển, sau đó người mới sinh nơi thượng phẩm”. Sau khi tỉnh mộng, niệm ngài bèn y theo lời nói ấy mà tu hành, ba năm sau, ngài thị tịch, tại chỗ ngài nằm liền mọc lên bảy cánh hoa sen suốt bảy ngày sau mà Hoa vẫn không héo rơi.

27- Cảm ứng của sự giảng Kinh Kim Quang Minh ở nước phía Tây Ấn Độ mà nước thù địch được hòa. (Rút từ Khai Nguyên lục và Ma Đằng truyện).

Ở phía tây Ấn Độ có một nước nhỏ thỉnh mời Tôn giả Ca Diếp Ma Đằng giảng Kinh Kim Quang Minh, bỗng chốc mà quân lính ở nước láng giềng kéo lại đã lấn chiếm trên địa vực, liền có sự ngăn ngại, binh lính ấy không thể tiến thêm nữa. Binh lính nước ấy nghi ngờ cho là có

pháp thuật kỳ lạ mới kín sai sứ đến dò xem, chỉ thấy Quần thần vẫn an nhiên cùng lắng nghe giảng Kinh Đại thừa nói rõ về Pháp vua Thần đất gìn giữ cõi nước. Khi ấy, nước kia bèn xin cầu phương pháp hòa giải và đều được an ổn vậy.

28- Cảm ứng của sự giảng Kinh Kim Quang Minh tối Thắng ở nước Trung Ấn Độ. (Rút từ tây Quốc truyện).

Tại Trung Ấn Độ có một đất nước tên là Bôn-Na-Phạt-Đàn-Na, sau khi Đức Phật Như Lai diệt độ khoảng tám trăm năm, đất nước ấy hoang đàn, ngũ cốc chẳng tươi tốt, vua tôi dân chúng trong nước đói kém, dịch bệnh hoành hành, người chết non đầy đường. Vua hỏi Quần thần rằng: “Có phương tiện gì để cứu khổ hoạn này chăng?” Có bề tôi thông minh trí tuệ tâu vua rằng: “Trừ yêu nghiệt trong nước nhà không gì bằng Kinh Phật.vua nên tu hành theo Phật giáo”. Vua hỏi: “Kinh điển gì?” Bề tôi đáp: “Xưa kia, tại nước Ma-kiệt-đà vì cứu trái nạn nên nương pháp giảng Kinh Kim Quang Minh tối Thắng Đế Vương.Vì vậy ngài nên giảng nghe Kinh ấy.”, vua liền thỉnh mời pháp sư suốt một mùa hạ giảng được năm hiến. Bấy giờ mộng thấy có các Đồng tử cầm nắm gậy trúc đánh đuổi ác quỷ ra khỏi đất nước, liền đó dịch bệnh chóng dứt. Lại mộng thấy có quỷ thần với sức lực mạnh mẽ đào cuốc đất đai, nước ngọt tuông trào thấm khắp ruộng đồng,liền có lúa mạ tươi tốt, ngũ cốc được mùa. Chưa đầy một năm mà dân chúng cả nước giàu có, lấy làm một năm thử nghiệm vậy.

29- Cảm ứng của Trương Cư Đạo đang trên đường đến Minh phủ phát nguyện tu tạo bốn quyển Kinh Kim Quang Minh.

Xưa kia, tại Ôn Châu có Trương Cư Đạo nhân việc cưới gả con gái nên giết hại các vật heo, dê, ngỗng, vịt v.v... Sau đó chưa đầy một tuần, bèn cảm mắc bệnh nặng mà qua đời, trải qua ba đêm sau, sống lại Trương Cư Đạo kể rằng: “Mới đầu thấy có bốn người đến rút một trang văn thư từ trong bụng ra chỉ bày cho Trương Cư Đạo thế đó là văn từ của các vật heo, dê, ngỗng, vịt v.v... đồng tổ cáo rằng: “Heo v.v... tuy thân đời trước tích chứa tội ác nên nay phải nhận chịu làm thân súc sinh, nhưng mỗi tự có niên hạn tuổi tác, bèn bị Cư Đạo giết hại oan uổng nên xin xét đoán, sau đó có phán sai ty mang đuổi bắt” Và liền đánh trống buộc dẫn đi, thẳng một đường đến phía bắc, đang giữa đường kẻ sứ bảo rằng: “Ông chưa đáng phải chết nhưng phải có hơn ba mươi kẻ chuyên tại dưới đáy cửa vua, ăn năng khó kịp vậy”. Trương Cư Đạo nói: “Tôi tự

tính tội đã trái phạm thật khó thoát khỏi, xin bày cho một phương kế”. Kẻ sứ bảo:”Ông nên vì các vật bị giết hại mà phát tâm nguyện tu tạo bốn quyển Kinh Kim Quang Minh thì sẽ được thoát khỏi nạn”. Trương Cư Đạo theo lời bảo ấy liền xướng lời ấy, chỉ chốc lát trông nhìn cửa thành thấy trước sảnh của vua có vô số muôn ức người tiếng kêu la ai oán đau đớn không thể nghe nổi. Kẻ sứ gọi tên, vua liền đem trạng văn tố cáo của các vật heo v.v... ra chỉ bày. Trương Cư Đạo thuật lại lời trạng phát nguyện. Các vật bị giết hại nương nhờ công đức đó nên đều theo nghiệp mà hóa hình thác sinh. vua hoan hỷ cho Trương Cư Đạo trở lại đường sống”. Nghe được nhân duyên đó mà phát tâm tu tạo Kinh có hơn trăm người, và chấm dứt sự giết hại ăn thịt thì có cô số người. (Lại có truyện Thừa thê thoát khổ ở huyện An cố, nhưng phiền nhiễu chẳng ghi thuật đó).

30- Cảm ứng của Hoàng Hậu Tắc Thiên cúng dường Kinh Kim Quang Minh tối Thánh Vương.(Rút từ Hoàng Hậu truyện).

Sa-môn Tam Tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh người xứ T6è Cha6uvo61n giòng họ Trương, tự là văn minh, ngài phát chí nguyện vân du Tây vức, trải qua hơn ba mươi nước. Đến năm Chương Thánh thứ nhất (695) thời Thiên Hậu (Võ Tắc Thiên), ngài về đến Hà Lạc. Thiên Hậu nhận Phật dự ghi kính trọng Đạo pháp. Ngày mồng bốn tháng mười năm Trường An thứ ba (703), phiên dịch Tỳ Sa-môn Bà Luân, tại chùa Tây Minh do các Sa-môn Huệ Biểu, Huệ Trị bút thọ. Đến ngày mười lăm tháng mười liền thiết bày cúng dường tại chùa Tây minh, cúng hai cây phan dài một trăm thước, bốn mươi chín cây phan mỗi cây dài bốn mươi chín thước, trăm xấp lụa quyên, các thứ hương hoa v.v... đều dùng bảy báu để trang nghiêm. Khi ấy, mây tía phủ khắp cả chùa, Kinh quyển toả phóng ánh sáng, quả đất rung nhẹ, trời mưa hoa nhỏ nhiệm. Nếu chẳng phải nhận sự dự ghi của Đức Phật, thì ai là người sau khi Phật diệt độ trong năm trăm năm mà có được sự cảm ứng như vậy.

31- Cảm ứng của Diêu Hải ở Tử Châu vì người thân qua đời mà tự ghi tả bốn bộ Kinh Đại thừa.(Rút từ Kim cang Bát Nhã ký v.v...)

Diêu Hải người xứ Huyện Thê, Tử châu, Năm Trường An thứ tư (704) thời Vũ Hậu-tiên Đường, có tang nên phát nguyện vì song thân đã qua đời mà tự ghi tả bốn bộ Kinh Đại thừa. Trong đó, Kinh Pháp Hoa và Duy ma mỗi loại một bộ, Kinh Dược sư mười quyển, Kinh Kim Cang Bát Nhã một trăm quyển. Đang lúc ban ngày giữa trưa, có một con nai

xung xáo qua cửa mà vào đứng trước án Kinh, ngấn đầu đưa lưới liếm vào án Kinh. Con chó trong nhà trông thấy mà chẳng liên sủa. Diêu Đải bước xuống khỏi sàng ôm bắt lấy, con nai ấy cũng chẳng Kinh sợ, bèn vì nó mà cho thợ pháp Tam quy, nó nhảy nhót lên tới đuôi vế, phóng thả ra, nó cũng chẳng chịu đi. Lại có Lý Hồi Nô là con của nhà Đồ tế lại đứng trước án Kinh, cầm nắm quyển Kinh Bát Nhã mà rảo đi. Sau khi đã đi không thấy trở lại nữa, chẳng biết đi đâu. (Khi ấy có người láng giềng mộng nói con nai ấy là mẹ của Diêu Đải, còn đứa trẻ con nhà Đồ tế là chị của Diêu Đải, mỗi người tự ý theo nghiệp mà nhận chịu thân khác. Diêu Đải tự vì ghi tả Kinh nên đến nhận sự cảm hóa mà thôi vậy.

32- Cảm ứng của Trương Tạ Phu ở thời Tiền Đường tụng Kinh Dược Sư mà dứt trừ khổ bệnh. (Rút từ Tam bảo Ký).

Trong thời Tiền Đường có Tạ Phu vốn giòng họ Trương cảm mắc bệnh nặng. Vợ con trong nhà thỉnh mời chúng tăng suốt bảy ngày bảy đêm đọc tụng Kinh Dược Sư. Đến đêm đã hoàn mãn, Trương tạ Phu mộng thấy co chur Tăng đem quyển Kinh che phủ trên thân mình, sau khi tỉnh giấc bèn được bình phục như cũ, tự nói đó là do công sức của Kinh vậy.

33- Cảm ứng của Trương Lý Thông ở thời Tiền Đường ghi tả Kinh Dược Sư mà được kéo dài Thọ mạng.

Trương Lý Thông năm hai mươi bảy tuổi, có một thầy tướng thấy mà bảo rằng: “Tuổi thọ của ông quá ngắn ngủi, chẳng qua khỏi ba mươi mốt tuổi” Lý Thông buồn rầu tìm đến nương tựa Mại Công. Mại Công bảo: “Có phương pháp để được trường thọ. Ông nên đem tâm cung kính ghi tả thõ trì”. Và liền trao cho Kinh Dược Sư bản dịch của pháp sư Huyền trang. Lý Thông nói: “Công việc ở đời rất sợ qân cương quở trách, thọ trì thật vô cùng khó khăn, nay trước phải ghi tả”. Và liền thỉnh quyển Kinh, tinh thành tự ghi tả. Do việc ở đời cùng bức bách, nên mới được một quyển vị thầy đoán tướng trước kia gặp lại Lý Thông, liền bảo: “Rất là hiếm có, rất là hiếm có! Ông có công đức gì mà chóng được kéo dài tuổi thọ thêm ba mươi năm?” Lý Thông bèn đem sự việc trên mà kể lại, mọi người nghe mà quy tâm kính hưởng đông nhiều.

34- Cảm ứng của sự ghi tả hoằng truyền Kinh Đại Tỳ Lô Giá Na.

(Rút từ lời tựa của Kinh).

Xưa kia, trong địa vực của bắc Thiên Trúc có một nước nhỏ tên là Bột Lỗ La, ở phía bắc thành nước ấy có một núi đá lớn, vách đứng cao ngàn nhậm, ven sườn dài muôn trượng, ở kưng chừng núi có một hanh ẩn tàng Bí pháp. Thường năm vào tháng bảy có các Thánh giả nhóm tập trong đó, lại có vài ngàn con khỉ vượn bưng Kinh ra hang phơi. Đã đang lúc sáng sớm tinh sương, phảng phất trông thấy đó, nhưng múôn lên thì không có thêm cấp. vì trông xem mây chim nhậm lại gặp khi gió bão bỗng kéo đến mới thổi bay một hòm phạm bản xuống. Khi ấy áo người đi hái củi gặp được, trong thấy kỳ đặc bèn liền đem dâng lên vua. vua đã nhận lấy, cho là chưa từng có, Đến chiều tối ngày hôm đó, có một con khỉ lớn đến đòi Kinh đó, chỉ cần chưa trả, con khỉ ấy liền muốn tự hại thân mạng, vua mới dùng phương tiện khéo léo, ân cần đôi ba phen nói rằng: “Con khỉ thấy ngôn từ của vua khẩn thiết bèn hứa thuận đó mà nói rằng: “Tạm có thể nhận chịu từ trước, nội trong ba ngày tức sẽ lại lấy đi.” vua, ới sai phân các nhóm khéo giỏi ghi tả để kịp thời hạn mà hoàn trả. vua chỉ một Minh Thái tử cùng truyền cho bản Kinh đó, không lưu xuất ra ngoài. Gần đây có A Xà Lê Đại Du Già ở Trung thiên từ xa giẫm bước khắp núi sông tìm cầu Bí tạng quý Báu. Khi ấy vua trông thấy A Xà Lê có sự kỳ dị mới vui mừng mà truyền cho Kinh đó.

35- Cảm ứng của sự ghi tả thần chú Tuỳ Cầu Đa-la Ni buộc đeo nơi cổ mà được diệt tội. (Rút từ ghi chú quyển thượng).

Từ có vị Tỳ-kheo tâm luôn nghĩ nhớ thanh tịnh kính tin. Đối với giới luật Như Lai cấm chế có sự trái phạm, chẳng dốc lấy vật của chúng Tăng hiệu tiền, vật của chúng tăng Ký đem vào riêng mình dùng. Về sau cảm mắc bệnh nhận chịu mọi khổ não. Khi đó vị Tỳ-kheo ấy không có người cứu giúp, kêu gào vang tiếng lớn. Tại xứ đó có một Bà-la-môn nghe tiếng gào đó liền sang đến chỗ vị Tỳ-kheo mắc bệnh ấy mà sinh tâm thương cảm, liền vì ghi tả thần chú Tuỳ cầu Đại Minh Vương Đà La Ni rồi đeo vào dưới cổ vị Tỳ-kheo ấy. Mọi thứ khổ ã đều dứt mất, Vị Tỳ-kheo ấy mạng chung đoạ vào Địa ngục Vô gián. thi thể vị Tỳ-kheo ấy an táng trong Tháp, thần chú Đà La Ni ấy đeo mang trên người nhận chịu tội, các thứ thống khổ thấy đều ngưng dứt và đều được An Lạc. trong Địa ngục A-tỳ nơi có lửa dữ, do sức oai đức của thần chú ấy mà thấy đều tiêu mất.

36- Cảm ứng của Kinh Tôn Thắng Đà La Ni được thỉnh lại.
(Rút từ lời tựa và mục Lục của Kinh v.v...).

Sa-môn Phật-Đà-Ba-Lợi, tiếng Trung Hoa dịch nghĩa là giác Hộ, ngài người nước Kế Tân thuộc Bắc Ấn Độ. Ngài quên mất thân mạng, nghe Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở tại núi Thanh Lương nên từ xa giẫm bước đến tự thân muốn lễ bái yết kiến mong được trông thấy Thánh dung. Bỗng thấy một ông già tử trong núi đi lại nói cùng ngài rằng: “Sư từ nước ấy lại có mang theo Kinh Tôn Thắng Đà La Ni đến chăng? Chúng sinh ở cõi này phần nhiều tạo các thứ tội. Các hàng xuất gia cũng lắm sai phạm. Thần chủ Phật Đảnh là Bí pháp diệt tội. Nếu chẳng mang Kinh ấy theo thì chỉ nhọc lại đâu có ích gì. Giả sử như có được thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cũng không thể nhận biết. Sư có thể trở về nước ấy thỉnh Kinh đó lại lưu truyền nơi cõi này”. Ngài nghe lời ấy rồi, mừng vui nhảy nhót không thể tự ngăn dừng. Khoảnh khắc ngấn đầu, bỗng nhiên ông già ấy đã biến mất. Ngài kinh ngạc bèn trở về lại nước mình thỉnh được kinh ấy đem vào trong núi Ngũ Đài, mãi đến nay vẫn chẳng thấy ra.

37- Cảm ứng của đứa trẻ nghe tụng Kinh Thọ mạng mà được kéo dài Thọ mạng. (Rút từ lời tựa của Kinh số).

Cuối niên hiệu Khai Nguyên (742) thời vua Huyền Tông (Lý Long Cơ-thời Tiền Đường), có một vị thầy đoán tướng chỉ nghe tiếng tức liền biết được tuổi thọ ngàn dài. Đến chùa Tư Thánh, nghe ngoài cửa có tiếng nói, thấy tướng ấy đoán biết tuổi thọ chỉ nội trong ngày ấy, liền bước ra trông nhìn thì là đứa trẻ vừa mới mười ba tuổi dung mạo sắc tướng đoan chánh, bèn buồn thương mà đi vào. Đến sáng ngày hôm sau lại nghe tiếng nói của đức trẻ ấy, thì tuổi thọ đã kéo dài đến ngoài bảy mươi, thầy tướng sinh khởi ý niệm kỳ đặc liền ra hỏi về nguyên do. Đứa trẻ ấy nói: “Đêm qua Tôi dừng ngủ tại Tăng phòng nghe tụng Kinh Thọ mạng, ngoài ra không việc gì khác”. Thấy tướng tán thán rằng: “Phật pháp thật không thể nghĩ bàn, dùng trí tuệ đoán tướng không thể nhận biết được đó vậy.”.

38- Cảm ứng của Vương nữ ở nước Ô Kỳ trì tụng Kinh Bát Nhã mà dứt trừ oán hận. (Rút từ Kinh Minh Nghiệm tán ký).

Xưa kia, tại nước Ô Kỳ, dân chúng mắc phải dịch bệnh diệt mất hơn một nửa. Có một Vương Nữ tên là Điển Ni, sau khi mang thai, dần đến chín tháng, người mẹ bị bệnh nặng, thai con đã chết mất, Vương Nữ vào nơi chỗ mờ tối lo sợ vô cùng, chuyên bức bách muợn tuyệt. Không cây nhờ. Vương Nữ khiếp sợ, ngày đêm rơi khóc, đọc tụng Bát Nhã Tâm

k. Do sức Thần của Kinh mà thai con sống lại, an ổn sản sinh, tật bệnh được bình phục. Tiếng khóc lóc kêu của đứa con ấy khác lạ nơi đời, và thường tụng Kinh Ma-ha Bát Nhã Ba La mật. vua tôi rất vui mừng, đặt gọi tên là “Ba La”. Đến năm ba tuổi, đứa con ấy nói Bát Nhã liễu nghĩa. Đến năm bảy tuổi trở thành Thái Tử thông minh mẫn duệ, thấu hiểu Tam Tạng, tài tuấn ở đương thời. Mọi người đều mừng vui kính sợ hành sự của đứa con ấy. Khắp cả nước nhà đều đọc tụng Kinh, tật bệnh không còn nổi dậy. Thiên hạ thái bình, muôn dân được An Lạc.

39- Cảm ứng của vua nước Tất Thí ghi tả trì tụng Kinh Bát Nhã mà dứt trừ oán hại v.v...

Xưa kia, nước Tất Thế là một nước nhỏ ở ven bờ, giòng tộc của vua dứt mất sự tiếp nối, phải chịu khổ dịch phụ thuộc nước gần đó, các hàng quý nhân sang giàu trốn lánh rãi rác đến các xứ khác. Dân chúng phần nhiều oán thán nhà vua. Các nước đua nhau đến bức hiếp cướp đoạt. Bấy giờ có vị Thánh chúa tên là Thính Hữu là bậc trí tuệ vang danh, trong Tâm tự tư duy Phật pháp linh nghiệm tại Bát Nhã Tâm Kinh. Quán xét như thế rồi, ban cáo khắp trong nước nhà cá hàng nam nữ lớn nhỏ, mỗi mỗi đều phải ghi tả đọc tụng Bát nhã Tâm Kinh, mỗi mỗi sớm mai một kỳ hạn. Chuẩn theo hình luật mà ước chế, khen phong chức vị mà khuyến răn. Chỉ thời gian ba năm mỗi mỗi sáng mai trì tụng một biến khắp cùng cả nước nhà, nên rộng thân vui vẻ. Khi ấy các nước sinh khởi ác tâm đến nước Tất Thế thì quên lính ấy hoặc chết hoặc đều rơi lạc mất. Như có bọn phản nghịch. Khi ấy, nước Tất Thí sau khi đã được bình định, dầu kéo dài đến mười năm lan toả hơn ba mươi nước thành Đại Thánh chúa, các phương như Quý Hồ v.v... có ba mươi bốn nước, Sở Triều v.v... hai mươi tám nước, gọi là cảm hai nghiệm, riêng người ghi tả đọc tụng cứu hộ đời, người hành trì luôn theo lệ thường, hết thấy chúng sinh không ai chẳng được cứu hộ.

40- Cảm ứng của Vị hoạc Khấp Tam Tạng mở đầu bước đường đi Tây vức mỗi ngày trì tụng hai mươi một biến Kinh Bát Nhã.

Pháp sư Huyền Trang vốn tên Vĩ, giòng họ Trần. Năm Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, bắt đầu gậy trượng lên đường, mỗi ngày ngài tụng Bát Nhã Tâm Kinh hai mươi một biến, phát lời thệ nguyện rằng: “Bần Đạo vì muốn cầu Đại pháp nên cất bước đến Tây phương, nếu không đến được nước Bà-la-môn thì trọn chẳng trở về lại phương Đông. Giả sử có bỏ mất thân mạng giữa đường cũng không gì phải hối

hận”.Thật trong nhật khinh, ngài vân du đến Tây vực suốt mười bảy năm, mọi sự tai mắt nghe thấy trải qua một trăm ba mươi tám nước. Nếu đến nơi nào gặp phải chướng nạn, ngài trì tụng Bát Nhã Tâm Kinh và xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, và thấy đều thoát khỏi mọi khiếp sợ. Đến tháng giêng năm Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, ngài mới trở về. Khi đã đến Trường An, các Kinh luận ngài thỉnh về được cả thấy sáu trăm năm mươi bảy bộ, ngài tự nói: “Đó đều là do sức lực của Bát Nhã Tâm Kinh và Bồ-tát Quán Thế Âm vậy.

41- Cảm ứng của lúc phiên dịch Kinh Đại Bát Nhã.

(Rút từ Từ Ân truyện).

Ngày mồng một tháng giêng năm Hiên Khánh thứ năm (660) thời Tiền Đường, bắt đầu phiên dịch Kinh Đại Bát Nhã. Theo Kinh văn phạm bản có cả thấy hai mươi vạn bài tụng. Văn đã rộng nhiều, nên Đồ chúng mỗi mỗi đều xin dan định lược bớt. Ngài (Huyền Trang) cũng tùy thuận theo ý của Đại chúng, như ngài La Thập phiên dịch bỏ rườm rà bớt trùng lặp, khởi nên ý niệm ấy rồi, liền ở trong mộng thấy có những sự rất khiếp sợ, hiện tướng kinh răn như thấy giãm trải qua mọi thứ hiểm nguy, hoặc thấy thú dữ bắt lấy người, kinh sợ toát mồ hôi mới được thoát khỏi. Sau khi tỉnh giấc vẫn còn kinh sợ, ngài liền đi lên trước Đại chúng kể rõ việc ấy và trở lại phiên dịch đầy đủ theo nguyên bản. Đêm đến, ngài lại mộng thấy chư Phật Bồ-tát tỏa phóng ánh sáng giữa chạn mây soi chiếu khắp thân mình ngài, trong tâm ý vui thích, Ngài lại thấy tự tay mình cầm nắm hoa đèn cúng dường chư Phật, hoặc lên tòa cao vì Đại chúng mà giảng pháp. Có nhiều người vây quanh tán thán cung kính. Hoặc mộng thấy có người đem hoa quả cúng dường ngài, Sau khi tỉnh giấc, ngài vui mừng, không dám lược bỏ, mỗi mỗi đều y theo phạm bản mà phiên dịch.

Đức Phật giảng nói Kinh Đại Bát Nhã ở bốn trú xứ: một là tại núi Linh thừa ở thành Vương Xá, hai là tại vườn Cấp Cô Độc, ba là tại cung trời Tha hóa tự tại, bốn là tại tinh xá Trúc lâm ở thành Vương xá, và cả thấy có mười sáu hội, nay làm thành một bộ. Nhưng khi ngài đến Tây vực thỉnh được ba bản, đến đây ngày phiên dịch với văn bản nghi có sự sai lầm nên phải kiêm xét cả ba bản để xác định, chăm chú xét lại mới viết thành văn Kinh. Tâm ý cẩn trọng xét khảo từ trước chưa Kinh nào như thế. Hoặc như văn Kinh có trái với yêu chỉ sâu mầu, có ý do dự, hẳn cảm thấy có cảnh giới khác tự như có người trao cho mà rõ ràng quyết định, tính thức liền rõ ràng như vạch mây mà trông nhìn mặt nhật. Ngài

tự nói: "Như điềm tỏ ngộ đây, đâu phải cõi lòng thiện cạn Huyền Trang tôi mà thông được, mà đều là do chư Phật Bồ-tát thâm gia hộ vậy". Hội đầu trong Kinh có phẩm: "Trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật". Trong phẩm ấy nói: ' các chúng Bồ-tát Ma-ha Tá vì Bát Nhã Ba La Mật Đa nên dùng Thần Thông nguyện lực, khắp cả đại Thiên Thế giới có các thứ trân báu thượng diệu, các thứ hương hoa vi diệu trăm thứ uống ăn, y phục âm nhạc thấy đều tùy ý, Khởi sinh năm thứ vi diệu, muôn ức các thứ cúng dường để trang nghiêm nơi nói pháp: "Khi ấy chủ chùa ngọc hoa là Sa-môn Tuệ Đức và Sa-môn Hỷ Thượng trong chúng Tăng phiên dịch Kinh, đêm đó đồng cảm mộng thấy trong chùa Hoa Ngọc rộng thoáng nghiêm tịnh, trang sức tráng lệ, tràng trường xe báu, hoa phan kỷ nhạc đầy khắp trong chùa. Lại thấy có vô lượng chúng Tăng tay nắm lọng lụa như trước mà cúng dường Kinh Đại Bát Nhã. Các lối đường đi tường vách trong chùa thấy đều trang nghiêm, đất trải các thứ danh hoa, Tăng chúng cùng giẫm bước trên đến viện phiên dịch Kinh, gấp bội sự thắng diệu như trong Kinh ghi tả vật báu trang nghiêm cõi nước. Lại nghe trong viện nơi ba giảng đường đều có giảng pháp, Pháp sư (tức Huyền Trang) ở trong giảng đường mà tuyên giảng. Đã thấy thế rồi, cả hai vị điềm mộng. ngài bảo: "Hiện nay đản ghiến dịch phẩm Kinh ấy, chư vị Bồ-tát hẳn có cúng dường. Chư vị thấy tin vậy ư?" Khi ấy bên cạnh Chánh Điện có hai cây lý, bỗng nhiên trái mùa mà hoa đang nở, hoa đều sáu màu hồng trắng ánh ngời tươi đẹp khác thường rất đáng ưa thích. Khi ấy, Đại chúng ban luận rằng: "Đó là điềm hiện khai điều Bát Nhã. Lại Hoa nở sáu màu tức biểu hiện của sáu Pháp Ba La mật vậy".

Đến ngày hai mươi ba tháng mười năm Long Sóc thứ ba (663) thời Tiền Đường, mới gát bút trang nghiêm. Bộ Kinh hợp thành sáu trăm quyển xưng gọi tên là Kinh Đại Bát Nhã. Ngài chấp tay hoan hỷ bảo cùng Đại chúng rằng: "Đây là có duyên với xứ này vậy. Huyền Trang tôi đến chùa Ngọc Hoa này là do sức của Kinh vậy."

42- Cảm ứng của sự cúng dường Kinh Đại Bát Nhã lần đầu tiên.

(Rút từ phiên Kinh tạp ký).

Sa-môn Thích Tịnh Chiếu là Đô Duy Na chùa Ngọc Hoa vui mừng công việc phiên dịch Kinh Đại Bát Nhã đã hoàn tất, bèn đem tấu trình cùng vua Cao Tông (Lý Trị), Kinh phiên dịch đã hoàn tất nên thiết trai hội cúng dường. Vua Cao Tông hoan hỷ trang nghiêm điện Gia Thọ thiết lập trai hội, trong hoàng các thứ tràng phan lọng báu các thứ cúng dường rất mực xinh đẹp. Đến ngày ba mươi tháng mười năm Long Sóc

thứ ba (663) thời Tiền Đường, nghinh thỉnh Kinh từ điện Túc Thành sang điện Gia Thọ, nơi trai hội giảng giải đọc tụng. Đang lúc nghinh thỉnh Kinh, Kinh Đại Bát Nhã toả phóng ánh sáng soi chiếu khắp xa gần, trời mưa hoa báu vi diệu, lại có mùi hương thơm khác thường. Khi ấy. Pháp sư Huyền trang bảo cùng Đại chúng rằng: “Kinh tự nói tại phương này, sẽ có nhạc Đại thừa vậy. Quốc Vương đại thần, bốn bộ Đại chúng ghi tả thọ trì đọc tụng lưu truyền đều được sinh lên cõi trời, cuối cùng giải thoát. đã có văn đó không thể im lặng”. Lại nữa, Sa-môn Tịch Chiếu tự cảm mộng, thấy ngàn Đức Phật ở giữa không trung, khác miệng đồng lời mà nói kệ tụng rằng:

*“Bát nhã Phật mẫu Pháp sâu mầu
Ở trong các Kinh là thứ nhất
Nếu người có được một Kinh ấy
Thật được thành đạo Đẳng chánh giác
Ghi tả thọ trì và đọc tụng
Một hoa một hướng dâng cúng dường
Là người hiếm có hơn diêm linh
Là người hẳn dứt ngăn sinh tử v.v...”*

Sau khi tỉnh mộng, liền bạch cùng Phật sư Huyền Trang. Ngài Huyền trang bảo: “Đó là ngàn Đức Phật trong Kinh hiện vậy”.

43- Cảm ứng của một thư sinh ở trung niên hiệu Càn Phong thời Tiền Đường y cứ sắc ban của vua Cao Tông mà ghi tả một pho Kinh Đại Bát Nhã. (Rút từ truyện Tan lục).

Trong niên hiệu Càn Phong (666-668) thời Tiền Đường, có một Thư sinh cảm mắc bệnh mà qua đời, qua một ngày và hai đêm sau, sống lại kể rằng: “Lúc đầu tôi mới chết có một minh quan mặc y phục sắc đỏ đưa văn điệp mời gọi, tôi bèn theo minh quan đến cửa thành lớn. Sứ giả nói rằng: “Đại Vương ở trong thành, đó là vua Túc “Tránh”, đưa văn điệp kia mời gọi ông. Khi đó tôi kinh sợ, thấy tự thân mình từ tay phải toả phóng ánh sáng lớn soi chiếu thẳng đến trước vua, rực rỡ hơn cả ánh sáng nhật nguyệt. vua kinh lạ, từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay tầm theo ánh sáng mà đưa đẩy ra cửa. Vua kinh lạ hỏi tôi rằng: “Ông có công đức gì mà từ tay phải toả phóng ánh sáng?” Tôi liền đáp: “Tôi trọn chẳng tu pháp lành nào. Lại chẳng biết nguyên nhân toả phóng ánh sáng”. Vua bèn trở lại trong thành, kiểm xét trong một quyển sách rồi ra thành vui vẻ nói cùng tôi rằng: “Ông y cứ theo sắc vua cao Tông (Lý Trị), ghi tả mười quyển Kinh Đại Bát Nhã. Do tay phải nắm bút ghi tả nên từ tay

đó tỏa phóng ánh sáng” Khi ấy tôi nhớ biết lại được việc ấy. vua nói: “Nay phóng thả ông sớm trở về”. Khi ấy Tôi nói cùng vua”: Tôi quen đường trở về”. Vua bảo: “Ông tìm theo ánh sáng mà trở về”. Tôi liền theo lời vua chỉ bảo, về gần đến nhà cũ, ánh sáng tự nhiên ẩn mất, mà tôi sống tỉnh lại”. Nói nhân duyên đó xong, Thư sinh ấy buồn mừng đố lệt, dốc hết của cải vốn có để ghi tả sáu trăm quyển Kinh Đại Bát Nhã. Đó là do thân gần nghe vậy.

44- Cảm ứng của sự đọc tụng cúng dường Kinh Đại Bát Nhã của vua nước Tam Ma Đất Tra tại phía Đông Ấn Độ. (Rút từ Câu Pháp Ký).

Thiên sư Tăng Triết ở Lễ Châu nghĩ muốn kính mộ các Thánh Tích, bèn theo thuyền đến Tây vức. Khi đã đến Tây vức, tùy duyên mà hoàng hóa, vân du kính lễ khắp cùng, rồi trở về đông Ấn Độ, đến nước Tam-Ma-Đất-Tra. Vua nước đó tên là Hạp-La-Xã-Bạt-Tra, vua rất kính tin Tam bảo hết mực chí thành ngời sáng hơn cả trước sau. Thường mỗi ngày tạo mười vạn tôn tượng Chá mô ni, đọc tụng mười vạn kệ tụng Kinh Đại Bát Nhã, dùng mười vạn cảnh hoa tươi mới xinh đẹp đích thân đến cúng dường trong Vương thành. Chư Tăng ở trong thành có bốn ngàn vĩ, đều nhận sự cúng dường của vua. Mỗi mỗi sớm mai, vua bèn vào chùa chấp tay, trước phòng gấp làm việc nước nhà, vua kính Phật tụng thăm hỏi: “Chư Pháp sư đêm qua có được an hòa chăng?” Chư Tăng đáp rằng: “Xin nguyện Đại Tăng chú Nguyện Đại Vương không tật bệnh mạng sống trường thọ, vận nước an minh, các nước oán thù đều cầu hòa, dân chúng no đủ. Đó là sức lực của Kinh Đại Bát Nhã vậy.

45- Cảm ứng của Thiên sư Thường Mãn ở Tinh Châu ghi tả Kinh Đại Bát Nhã.

Thiên sư Thường Mãn ở Tinh Châu pháp đại thế nguyện muốn sinh về cõi Cực lạc, tu tạo các hạnh tịnh nghiệp đã rộng lớn khó có thể trình bày rõ tất cả. Về sau, ngài đến Kinh đô, lại chuyên kính sùng hạnh nghiệp ấy, rất mực ngẫm nghĩ chí thành. Có được các điềm cảm, bèn phát nguyện ghi tả Kinh Đại Bát Nhã trọn đủ vạn quyển. Lại mong được xa đến Tây vức lễ bái các Thánh tích của Đức Như Lai, do thặng phước ấy mà nguyện sinh Tây phương, bèn đến cung vua tấu trình thư thỉnh, xin đến các châu giáo hóa ghi tả Kinh Đại Bát Nhã. Thả khi tâm đã thấu đạt, trời hẵn tùy theo, theo hướng nam đến giang biển, kính ghi tả Kinh Đại Bát Nhã để báo đáp ơn trời. tâm ước muốn sâu xa đã

mãn, bèn nường thuyền đi Tây vức, có trăm ngàn người trời đánh tấu kỹ nhạc, liền thấy ngài nường thuyền lá thuyền như được cặp. Về sau, ngài thị tịch tại Tây vức, được cảnh Tịnh độ nghinh tiếp.

46- Cảm ứng của Sa-môn Thích Tăng Trí ở Kinh Triệu phúng tụng hai quyển Kinh Đại Bát Nhã.(Tân lục).

Sa-môn Thích Tăng Trí người xứ Kinh triệu. Thân mẫu ngài mộng thấy nuốt là hương bằng đồng, bèn mang thai sinh ra ngài. Khi vừa mới sinh ngài liền tự xưng tên mình là Đại Bát Nhã, mọi người đều lấy đó làm lạ. Đến năm mười tuổi, tự nhiên ngài tự tụng thâm Kinh Đại Bát Nhã hai trăm quyển, trong tâm lấy làm quái lạ cho là: “Tôi chẳng tập học trước, mong cầu nghĩ muốn được biết nguyên do, bèn mộng thấy một Sa-môn đến nói cùng ngài rằng: “Đời trước người bị làm thân trâu xấu tệ, người chủ mang hai trăm quyển Kinh Đại Bát Nhã buộc ông chở đến tinh xá. Ông giẫm đạp luồn vào bùn sinh sâu mà mạng chung bèn được sinh vào trong nhân gian. Vì nhân duyên đó nên phúng tụng hai trăm quyển Kinh ngoài ra không luyện tập. Ông xả bỏ thân này rồi thì sẽ sinh về cõi Phật oai âm”. Sau khi tỉnh mộng, ngài bèn hối tạ vậy.

47- Cảm ứng của Sa-môn Đạo Tuấn ở Tinh Châu ghi tả Kinh Đại Bát Nhã.

(Rút từ Tinh Châu vãng sinh ký).

Sa-môn Thích Đạo Tuấn một đời tu pháp niệm Phật Tam muội, chẳng vui thích các hạnh nghiệp khác. Bấy giờ tại Cung Châu có Sa-môn Thích Thường Mẫn khuyên ghi tả Kinh Đại Bát Nhã. Ngài nói: “Tôi tu niệm Phật, toàn không thời gian rảnh rỗi làm sao sao tả được?” Ngài Thường Mẫn nói: “Bát Nhã là đường thẳng đến Bồ-đề, là con đường cốt yếu để vãng sinh, ông nên phải sao tả”. Ngài chẳng vậng theo mà nói rằng: “Tôi sinh về Tịnh độ tự nhiên Viên mãn”. Ngay đêm đó ngài mộng thấy đến nơi bờ biển để vượt qua, trên phía tây bờ biển có điện đường trang nghiêm, có sáu Đồng tử bơi thuyền trên bãi biển, ngài nói cùng các đồng tử trên thuyền rằng: “Tôi muốn nường thuyền để đến bờ phía tây”. Các Đồng tử bảo: “Ông không tin tưởng thuyền, đâu có thể nường tựa thuyền được ư?” Ngài hỏi: “Sao gọi là tôi không tin tưởng thuyền?” Các Đồng tử bảo: “Thuyền là Bát nhã. Nếu không có Bát nhã thì không thể vượt qua biển sinh tử, đâu thể sinh đến cảnh giới địa vị bất thối. Giả sử ông nường gá vào thuyền thì Thuyền liền đắm chìm”. Sau khi tỉnh mộng, ngài kinh sợ, sám hối lỗi quá, xả thí y bát để ghi tả Kinh

Bát Nhã, tự nhiên trong ngày cúng dường có mây tía từ phía tây bay lại, âm nhạc nghe vang giữa không trung. Đó chẳng phải cảm ứng ư?”.

48- Cảm ứng của thân mẫu ở Dự Châu thời Tiền Đường nghe tên Kinh Đại Bát Nhã mà chết rồi được sống lại.

Trong thời Tiền Đường tại Dự Châu có một bà mẹ già không biết tên họ là gì, chỉ phụng thờ Thần Đạo, không kính tin Tam bảo, mọi người đều xưng gọi là Thần Mẫu. Bà ta bị tà kiến che phủ Tâm thức, chẳng đến chốn chùa tháp, nếu lúc đi đường gặp các vị Tỳ-kheo tăng thì liền bít mắt mà trở về. Bấy giờ có một con trâu đầu vàng đến ngoài cửa nhà bà ta mà đứng, trải qua ba ngày không thấy có chủ trâu, bà ta mới cho đó là Thần hộ trợ, bèn tự ra dẫn trâu vì trâu sức lực quá mạnh nên chẳng theo, bà ta cởi giải áo buộc vào mũi trâu, trâu liền kéo vào trong chùa Phật. Bà ta tiếc trâu và giải áo nên bít che mắt mình mà đi vào chùa, xoay lưng với tôn tượng Phật mà đứng. Khi ấy tăng chúng trong chùa kinh ngạc đi ra, cảm sinh thương xót, mỗi vị đều tự xưng niệm: “Nam mô Đại bát Nhã Ba La mật Đa Kinh”. Bà ta liền vất bỏ trâu mà chạy ra, đến nơi dòng sông nhỏ rửa tai, nói rằng: “Ta nghe việc không tốt lành, chỗ gọi là Nam mô Đại bát Nhã Ba La mật Đa”. Ba lần bà ta xướng như thế và tự cho là đã theo nước mà rơi rớt, rồi trở về nhà. Bỗng nhiên không còn thấy con Trâu ấy đâu nữa, Sau đó bà ta mắc bệnh mà qua đời. Người con gái đầu nghĩ nhớ mến thương, bèn cảm mộng về bảo rằng: “Khi ta chết, Tâm thức đến chỗ vua Diêm-ma. Chính ta chỉ có toàn nghiệp ác thân, không một mảy có thể căn lành. Vua Diêm-ma kiểm tra lại thể, mỉm cười bảo rằng: “Người có nghe tên Kinh Bát Nhã, nhưng vì người nghiệp ở loài người đã hết, nên được sinh lên cõi trời Đạo-lợi. Người chớ sinh lo buồn”. Sau khi tỉnh mộng, người con gái ấy bèn phát tâm ghi tả Kinh Bát Nhã hơn ba trăm quyển, đến nay hiện còn.

49- Cảm ứng của sự đập vào chỗ đất hiện tôn thờ Kinh Đại Bát Nhã mà được lìa khỏi nghiệp ác thú.(Rút từ cứu pháp ký).

Sa-môn Thích Linh vận, tiếng phạm là Bát-Nhã-Đề-Ba, vốn người xứ Tương Dương. Trên bước đường truy tìm Thánh tích, ngài vượt bờ phía nam đến các nước Tây vực. Đến chùa Na Lan Đà, ở đó có tôn tượng Đức Phật Di Lặc và gốc cây Bồ-đề được đắp họa. Ngài lại đến nước Y-LA-Noa-bát-Phạt-Đa, tại đó có Cô sơn là chốn đất ưu thắng, Miếu Linh có nhiều và lắm thứ cảm ứng. Trong sâu thẳm có một tinh

xá, tại đó có một tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm được khắc chạm bằng gỗ Chiên Đàn. Nếu có người nào hoặc bảy ngày hay mười bốn ngày, phát tâm cầu nguyện mọi ước mong thì từ nơi tôn tượng lưu xuất Diệu thân an ủi dẫn dụ tâm người đó. Người đó sẽ tròn đầy tâm nguyện, bên cạnh tinh xá có một Tháp sắt tôn thờ hai mươi vạn kệ tụng Kinh Đại Bát Nhã, mọi người ở khắp năm xứ Ấn Độ đua nhau đến cúng dường Tôn tượng và Kinh. Ngài bèn trải qua bảy ngày bỏ ăn, thỉnh cầu ba điều ước nguyện: một là thân hẩn xa lìa ác thú, hai là được trở về bản quốc rộng làm mọi Phật sự, ba là tu hành Phật Pháp mau chứng đắc quả. Và liền từ trong tôn tượng gỗ Chiên Đàn lưu xuất Diệu thân đầy đủ các tượng trang nghiêm toả phóng ánh sáng an ủi ngài rằng: “Ba điều tâm nguyện của người thầy đều thành tựu, người nên vào trong Tháp sắt, đọc tụng Kinh Đại Bát Nhã, giẫm đạp vào chỗ tôn thờ Kinh, hẩn sẽ thoát khỏi cõi xấu ác. Nếu người phát tâm đến nơi chốn này mỗi mỗi bước chân đều là diệt tội, tăng tấn Phật đạo. Xưa kia, ta hành Trì Bát Nhã mà chứng Đắc địa vị Bất thối. Nếu người trì Kinh ấy, ghi tả quyển Kinh, ta hiển khiến đầy đủ mọi điều mong cầu của người đó”. Nói lời ấy rồi hóa thân bỗng nhiên ẩn mất. Ngài liền suốt hai mươi một ngày vào trong Tháp sắt, lễ bái hộp Kinh rồi mới đọc tụng Kinh văn, trải qua nửa năm. Xong rồi, trở về Trung Hoa, ngài rộng làm mọi Phật sự, phiên dịch Thánh giáo. Thật rất có khả năng kham nhận. Đó là do sức gia vị của Bồ-tát Quán Thế Âm và oai đức của Kinh Đại Bát Nhã vậy.

50- Cảm ứng của Đức Phật Thích-ca lúc đến dưới gốc cây Bồ-đề, Đại Thân dâng cúng Hộp vàng tôn trí Kinh Đại Bát Nhã.

(Rút từ Ngoại quốc ký v.v...).

Sau sáu năm khổ hạnh, lúc sắp chứng đắc Đạo quả chánh giác, Bồ-tát Thích-ca lên đến núi Bát-La-Cấp-Bồ-Đề; tiếng Trung Hoa dịch nghĩa là núi “Tiền chánh giác”. Từ phía đông bắc, Bồ-tát lên đến đỉnh núi, quả đất chấn động, núi sắp sụp đổ. Thần núi Kinh sợ bảo rằng: “Núi này không phải là nơi thành đạt Đạo quả chánh giác, nếu dừng nghỉ qua đêm tại đây, Bồ-tát nhập định Kim Cang thì núi sẽ sụp đổ”. Bồ-tát liền xuống núi, theo hướng tây nam, đi đến lưng chừng núi, vào trong một Thạch thất lớn, ngài ngồi Kiết già, đất cũng lay động. Khi ấy Trời Tu Đà Hội ở giữa không trung bảo rằng: “Đây không phải là nơi chốn Thành Đạo, từ đây theo hướng Tây Nam đi khoảng bốn mươi năm mươi dặm, cách rừng khổ hạnh không xa có một cây Bồ-đề. Dưới cây Bồ-đề đó có tòa Kim Cang là nơi chỗ ba tai tám nạn không thể phá

hoại, là nơi đáng nương tựa rất bền bỉ. Chư Phật trong ba đời đều ngồi trên tòa ấy. Đó là nơi chỗ Thành Đạo, Bồ-tát nên sang chỗ đó”. Khi ấy, tại Thạch thất có một con rồng lớn cầu thỉnh Đức Thế Tôn ở lại. Bồ-tát bèn lưu lại bóng dáng mà đi. các trời dẫn đường đi trước, sắp đến dưới cây Bồ-đề, giữa đường, Đại Thần từ đất vọt lên bưng lấy hộp vàng lớn ba tấc đem dâng lên Bồ-tát mà thưa rằng: “Đây là Hộp chứng của các Phật trước thâu nhập vào Pháp môn Bát Nhã ba La mật. Chư Phật trong ba đời đều được Hộp này. Do sức lực của Bát Nhã mà hành phục ma Đạo, xoay chuyển Đại Pháp Luân cứu độ chúng sinh thoát khổ. Nếu chưa được hộp Ấn chứng thì tuy có ngồi dưới cây Bồ-đề, Phật pháp cũng chẳng hiện ra trước, không được thành Phật Đạo. Tôi trong thời quá khứ, lúc sáu đức Phật mới thành đạo đều kính dâng hộp này”. Bồ-tát liền hoan hỷ đưa tay nhận lấy hộp và mang đội trên đỉnh đầu, sang đến dưới cây Bồ-đề, ngồi nơi tòa Kim Cang, lúc mở hộp vàng, trong hộp rỗng thoáng, các cõi Phật ở mười phương, Ấn văn Bát Nhã đều trở lại làm Phật toả phóng ánh sáng lớn soi chiếu trên đỉnh đầu Bồ-tát trao đặt ngôi vị Phật Vương, mới thành chánh giác, các vị Phạm Vương ở khắp mười phương đến thỉnh cầu chuyển Pháp luân. Khi ấy Đức Thế Tôn im lặng tư duy chưa vội giảng thuyết vậy.

51- Cảm ứng của Kinh Đại Tập lúc vua Võ Đế thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp. (Rút từ Pháp uyển Châu lâm v.v...)

Khi vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá diệt Phật pháp, tất cả Kinh điển đều bị thiêu đốt. Đến trong năm sau, bỗng thấy giữa không trung có năm, sáu cây nấm lớn bay liệng trên không trung, đến cùng tầm mắt không thấy toàn là một đoạn theo nhẹ nhàng trên dưới. Triều Tể đứng trong nhìn chẳng lường biết là vật gì, lâu sau mới vụt rơi xuống trên tường nhà thượng sĩ. Trông xem thì đó là Kinh Đại Tập Quyển thứ mười b. Mọi người đều cho là điều cảm ứng hiếm có, nên dốc tâm quy hướng có lắm nhiều.

52- Cảm ứng của Tỳ-kheo A Luyện Nhã đọc tụng Kinh Đại Phẩm.

(Rút từ Tây Quốc truyện).

Xưa kia, có Tỳ-kheo A Luyện Nhã đọc tụng Kinh Đại Bát Nhã, thường hằng đêm có người trời đến chỗ vị Tỳ-kheo ấy dùng cam lồ cõi trời mà dâng cúng. Vị Tỳ-kheo ấy hỏi người trời rằng: “Trên trời có Kinh Bát Nhã chăng?” Người trời đáp: “Có”. Vị Tỳ-kheo ấy lại hỏi:

“Đã có, có sao lại xuống đây?” Người trời đáp: “Vì kính Pháp. Lại nữa, Bát Nhã trên cõi trời, các trời tướng truyền là Bát Nhã ở trong cõi người chánh là ghi lại lời của Đức Phật, cho nên xuống đây vậy”. Vị Tỳ-kheo ấy lại hỏi: “Trên trời có người thọ trì chăng?”. Người trời đáp: “Trên cõi trời đấng trước dục lạc nên không thể thọ trì. Và ở các châu khác cũng không, chỉ tại Diêm Phù Đề này, con người có được căn tánh Đại thừa thuần thực mới có thể hành trì bát Nhã và hẳn dứt hết ngăn mé khổ đau”. Vị Tỳ-kheo ấy hỏi: “Vậy gìn giữ hộ trì người thọ trì Kinh Bát Nhã là chỉ có một mình ông ư?” Người trời đáp: “Có tám mươi ức các trời đến nơi cõi người này hộ trì người thọ trì Kinh Bát Nhã. Cho đến như nghe được một câu Kinh thì kính trọng đó như Phật gìn giữ Phật mẫu, không thể phớt bỏ thôi thất vậy.

53- Cảm ứng của Trương Chí Đạt ở quận Thiên Thủy ghi tả ba hàng Kinh Đại Phẩm mà được kéo dài Thọ mạng. (Tân lục).

Tại quận Thiên Thủy có Trương Chí Đạt là người khéo giỏi ghi tả nổi danh mà chỉ tin thọ theo Đạo sĩ, chẳng ghi tả Kinh Phật. Có lần nọ đến nhà người bạn thân thấy ghi tả Kinh Đại Phẩm Bát Nhã, vì không biết nên cho là Lão Kinh, hỏi người bạn thân đó có phải là Kinh Lão tử chăng? Người bạn thấy ấy mỉm cười nói đúng vậy, Trương Chí Đạt bèn ghi tả ba hàng, mới biết là không phải Kinh của Lão tử nên tức giận mà bỏ đi. Sau đó ba năm, cảm mắc bệnh mà qua đời, sau một đêm sống lại, rơi lệ vừa buồn vừa mừng mà hỏi tạ, đến nhà người bạn thân ấy nói rằng: “Ông là Đại Thiện tri thức khiến tôi kéo dài được mạng sống. Tôi nay được lên Thiên Đường”. Người bạn thân ấy kinh lạ hỏi: “Có sao nói vậy?. Trương Chí Đạt kể rằng: “Tôi chết, tâm thức đến chỗ vua Diêm-ma, vua thấy tôi đến bèn bảo: “Ông là kẻ ngu si tin theo thầy tà, không biết Phật pháp”. Và liền lấy ra một quyển sách, tra xét các nghiệp ác, sách ấy dày hơn hai mươi trang, lật xem đã đến cuối, chỉ còn nửa trang giấy, vua dừng lại trông nhìn tôi mà bảo rằng: “Người có công đức lớn, đến nhà người bạn thân ghi tả ba dòng Kinh Đại Phẩm Bát Nhã. Chúng ta đây y cứ vào sức của người ở nhân gian thọ trì Kinh Bát Nhã, mà ba thời nhận chịu khổ được giảm nhẹ. Thọ mạng của ông đến nay đã hết, nhưng nay lại có được hạnh nghiệp kéo dài Thọ mạng, nên phóng tha người về lại trong nhân gian. Các ông thọ trì Kinh Bát Nhã, báo ân phóng thả ngày nay v.v... “ Nghe nói lời ấy rồi, Tâm thức tôi bèn được trở lại bản thân, ấy há chẳng phải là ân đức do ông sao?” Nói xong liền trở về nhà, Trương Chí Đạt xả thí tất cả của cải, ghi tả được tám

bộ Kinh Bát Nhã mà cúng dường. Đến lúc tám mươi ba tuổi, tự nhiên không bệnh mà Trương Chí Đạt qua đời. Về sau có người trông thấy Di văn ông để lại rằng: “Có ngàn Đức Phật đến nghinh đón tôi, dùng Kinh Bát Nhã làm hai cánh, vãng sinh về Tịnh độ vậy.

54- Cảm ứng của Kinh Đại Phẩm Bát Nhã của cư sĩ Tấn Châu Mẫn. (Rút từ Minh Bảo ký).

Tấn Chu Mẫn người xứ Giang Nam, Tấn Hộ quân giúp Quân Thế kính phụng Phật pháp. Gặp lúc loạn lạc ở Tô Lanag, mọi người ở Đô ấp đều đổi dời khắp nơi. Trong nhà Tấn Chu Mẫn có Kinh Đại Phẩm dùng nửa bức lụa dài tám trượng lật lại mà ghi tả đó, lại có các Kinh khác trong vài đài, Kinh Đại Phẩm cũng lẫn lộn trong đó, đã đến lúc sắp chạy loạn, không thể mang đi theo hết, rất chú trọng đến Kinh Đại Phẩm mà không biết ở trong đài nào. Qua khỏi bữa cơm hẳn sẽ phải đi, chẳng bày tìm tượng, bồi hồi than tra, bất chợt mà bộ Kinh Đại Phẩm ấy tự lưu xuất, Tấn Chu Mẫn vô cùng kinh lạ vui mừng mang theo, đến lúc nhà họ Chu đổi bất thể lấy làm quý đó, đến nay vẫn hiện còn. Có một thuyết nói: “Vợ của Chu Tung là Hồ Mẫu có bức lụa ghi viết Kinh đại Phẩm, bức lụa đó rộng năm tấc mà một bộ Kinh Đại Phẩm ghi viết trọn trong đó”.

55- Cảm ứng của Kinh Phóng Quang Bát Nhã của Sa-môn Tam tạng Pháp sư Chu sĩ hành. (Rút từ truyện).

Năm cam Lộ thứ năm (260) dưới thời Cao Quý Lang Công (Tào Mao) thời Tiền Ngụy, Sa-môn Chi Sĩ Hành giảng Kinh Tiểu Phẩm. Hoặc có thuyết nói rằng thường giảng Kinh Đạo Hạnh Bát Nhã, và thường than bản dịch Kinh ấy chưa hết lý, nên từ Trường An ngài cất bước vượt qua Lưu Sa đến nước Vương Điền, thỉnh được chánh bản phạm âm gần chín mươi chương, tại nước đó phần nhiều là các học giả Tiểu thừa sàm tấu cùng vua nước đó là: “Có vị Sa-môn ở đất Hán muốn đem Kinh sách của Bà-la-môn giáo để hoặc loạn chánh pháp, sao chẳng thiêu đốt bỏ? Đó là lỗi làm căm điếc đất Hán vậy”. vua ấy liền cản ngăn không cho ngài mang Kinh về Trung Hoa. Nhân đó ngài cầu xin thiêu đốt để làm nghiệm chứng, bèn chất củi trước điện, cuối cùng thiêu đốt mà Kinh không tổn hoại, vua ấy mới quy hướng kính tin. Ngài mong thỉnh Kinh ấy về đến được, và do ngài Trúc Thúc Lan Đàm Vô La Xoa phiên dịch, đó là Kinh phóng Quang Bát nhã vậy.

56- Cảm ứng của Sa-môn Thích Thanh Hư vì chúng sinh nhận chịu khổ trong ba đường mà Thọ trì Kinh Kim Cang Bát Nhã. (Rút từ Kinh nghiệm ký).

Sa-môn Thích Thanh Hư ở chùa Huệ nghĩa tại Tử Châu, từ thừa thiếu thời chuyên trì tụng Kinh Kim Cang Bát nhã. Khoảng đầu tháng mười năm Vạn Tuế Thông Thiên thứ nhất (696) thời Võ Hậu-tiền Đường, ngài đến trong núi Tam Tổng ở phía bắc chùa Linh Nham tại Tề Châu, phát nguyện vì chúng sinh nhận chịu khổ trong ba đường mà thọ trì tụng Kinh Kim Cang Bát nhã. Từ chiều ngày hai mươi ba tháng mười, ngài ở trong núi đoạn tọa tụng Kinh, bỗng nhiên tự như cảm mộng thấy một Thành quách rộng thoáng khoảng năm dặm, có vị tăng xuống đường đến cửa phía đông của thành, cửa ấy chỉ dung chứa được một người đi vào. Vị tăng ấy hỏi người giữ cửa rằng: Ông có tự biết Đại Vương lúc nào phóng thả những chúng sinh nhận chịu khổ nơi Địa ngục chăng? Người ấy đáp rằng: “Hôm qua vào giờ mùi, có vị Thiền sư ở Tề Châu cầm nắm Tích tượng tuổi ngoài bảy mươi đến trước Đại Vương mà nói rằng: “Có một khách Tăng vì chúng sinh nhận chịu khổ trong ba đường mà trì tụng Kinh Kim Cang Bát nhã, vua có biết chăng? Và lúc nào vua sẽ phóng thả các chúng sinh nhận chịu khổ ở Địa ngục này”. Đại Vương đáp rằng: “Đã biết trước, ngày mai vào giờ ngọ sẽ vì Địa sư mà phóng thả những chúng sinh có phần tội nhỏ nhiệm”. Người giữ cửa ấy nói với vị Tăng đó rằng: “Đại sư nên đi, xin chớ nói điều ấy vậy.

57- Cảm ứng của Sa-môn Thích Pháp Tạng ghi tả trì tụng Kinh Kim Cang Bát Nhã mà diệt trừ tội chướng.

Sa-môn Thích Pháp Tạng ở chùa Thật Thất tại tuý Phù Châu, vào tháng ba nhuận năm Võ Đức thứ hai thời Tiền Đường, ngài cảm mắc bệnh tật rất khốn khổ, qua hơn hai tuần mới thấy một người vận mặc y phục sắc xanh trang sức rất hoa lệ đứng trên lầu cao, tay nắm một quyển Kinh, bảo cùng ngài rằng: “Đời nay ông sử dụng vật lẫn lộn của Tam bảo, mắc vô lượng tội. Kinh ta đang gìn giữ đây là Kinh Kim Cang Bát nhã, nếu tự tạo một quyển và chú tâm đọc tụng thì một đời trở lại đây các tội sử dụng vật lẫn lộn của Tam bảo đều được dứt mất”. Ngài liền ứng tiếng nói rằng: “Nếu được diệt tội và tật bệnh lành hẳn, tôi kính ghi tả trăm bộ, đọc tụng thọ trì không phế bỏ”. Và ngài liền mạng chung, thần thức dẫn đến chỗ vua Diêm-ma. Vua hỏi: “Một đời qua, ông tạo được những phước nghiệp gì?” Ngài bèn giải bày nào tôn tạo tượng Phật, sao tả Kinh Kim Cang Bát nhã trăm bộ, ở nơi tất cả mọi

người xoay chuyển đọc tụng và ghi tả Kinh gồm tám trăm quyển, ngày đêm thọ trì tụng đọc tụng Kinh Kim Cang Bát nhã chưa từng phế bỏ”. vua nghe nói vậy liền bảo: “Đại sư tu tạo công đức thật không thể nghĩ bàn”. Và liền sai sứ vào kho lấy sổ công đức đem đến nơi vua, vua tự mở xem, thấy đều đúng như những gì ngài nói, không một sai sót. Vua bảo: “Công đức của Đại sư thật không thể nghĩ bàn, nên phóng thả sư trở về lại chùa. Khuyến hóa tất cả mọi người thọ trì đọc tụng Kinh Kim Cang Bát nhã, tập tụng đầy đủ các thứ công đức, chớ nên sinh khởi biếng lười. Sư sẽ được trường thọ lạc không mất tật bệnh, sau ngày mạng chung sẽ sinh đến cõi Tịnh độ ở mười phương”. Sau khi sống lại, ngài tự bày nói sự việc ấy với mọi người.

58- Cảm ứng của vua Huyền Tông thời Tiền Đường đọc tụng Kinh Nhân Vương cầu thỉnh binh lính cõi trời cứu giúp nước An Tây.(Tân lục).

Năm Nhâm Tý(1) tức năm Thiên Bảo thứ nhất thời Tiền Đường, năm Tây Phiên Thái Cực Khương đều xâm chiếm nước An Tây. Ngày mườim065tm tháng hai năm đó, nước An Tây tấu trình cầu xin viện binh.

(1) Năm Thiên Bảo thứ nhất(742), đúng phải là năm nhâm ngọ.

Vua Huyền Tông (Lý Long Cơ 712-756) ban chiếu nếu sai phái binh lính với đường dài hơn vạn dặm, phải trải qua nhiều tháng mới đến, đâu có thể cứu giúp được đó. Có vị Đại thần tâu rằng: “Đại Vương có thể ban chiếu hỏi Tam Tạng Pháp sư Bất Không thử xem”. Vua bèn theo y lời cây thỉnh thiên vương vì cứu giúp, tự tay vua cầm nắm lọ hương, còn ngài Bất Không trì tụng Kinh Nhân Vương Hộ Quốc Đà La Ni, qua mười bốn biển, bỗng nhiên, vua thấy có khoảng năm trăm Thần Nhân, mặc áo giáp đội mũ trụ mang vá các thứ giáo mác đến đứng trước điện, vua rất kinh dị hỏi ngài Bất Không. Ngài đáp: “Đó là Trử Kiện, Thái Tử thứ hai con vua Tỳ Sa-môn dẫn đầu binh lính theo ý của Bộ Hạ sang cứu giúp nước An Tây nên đến từ giả đó”. Đến tháng tư năm đó, từ nước An Tây tấu trình rằng: “Từ ngày mười một tháng hai trở lại nay, ở phía đông bắc của thành cách chừng ba mươi dặm, mây mốc mờ tối trong đó có rất nhiều người thân hình cao lớn hơn cả trượng đều mặc áo giáp sắt vàng ròng, lúc đến phía tây, trống kèn vang rền khắp cả ba trăm dặm, đất rung động nghiêng đổ, trải qua hai ngày, binh lính của năm nước Thái, Thạch, Khương, v.v... đồng một lúc tháo chạy, ở nơi trưởng màn thấy có các thứ như lông chuột vàng ròng, răng gãy, cung,

nỏ, đàn v.v... và các khí tượng đều không thể sử dụng. Trông nhìn lại trên lầu Thành có ánh sáng, vua trời hiện hình, không ai chẳng thấy, kính cẩn đồ học lại hình dạng của vua trời vậy.

59- Cảm ứng của vua Đại Tông thời Tiền Đường giáng Kinh Nhân Vương Bát Nhã mà trời giáng mưa.

Mùa thu năm Vĩnh Thái thứ nhất (765) thời Tiền Đường, khắp thiên hạ không mưa cây cỏ khô chết. Vào ngày hai mươi ba tháng tám, vua Đại Tông (Lý Dự 763-780) ban sắc thỉnh mời một trăm vị Pháp sư ở hai chùa Tư Thánh và Tây Minh giảng Kinh nhân Vương Bát nhã, mời Tam tạng Pháp sư Bát Không làm Đô giảng. Đến ngày mồng một tháng chín, mây đen giáng phủ khắp trời, rười mưa am lổ, khắp thiên hạ đều được thấm nhuần, cây cỏ khô chết sớm được trở lại tốt tươi. Thật là oai thần của Kinh Nhân Vương Bát nhã không thể nghĩ bà! Thêm nữa, giặc cướp Khương Hồ đến bên cạnh Kinh Đô. lại nhân tinh sao biến hiện. Từ trong vua Lưu xuất ra hai quyển Kinh nhân Vương, thiết lập Đạo Tràng Nhân Vương gồm trăm tòa, mọi sự đều có cảm ứng vậy.

60- Cảm ứng của Kinh Nhân Vương Bát Nhã bản cựu dịch.(Tân lục).

Năm Trinh Nguyên thứ mười chín (803) thời Tiền Đường, có một vị Sa-môn không biết tên họ và người ở xứ nào đến dừng nghỉ qua đêm tại Miếu Phủ Quân tại Thái Sơn, tụng bốn bài kệ vô thường trong Nhân Vương bản mới phiên dịch. Phủ Quân giáng mộng bào rằng: “Xưa kia, tại trước Đức Phật, tôi đích thân được nghe Kinh này. Ngài La Thập phiên dịch văn từ khí chất nghĩa vị thuần hợp, nghe tiếng đọc tụng, thân Tâm thấy đều mát dịu. Nay bản Kinh mới phiên dịch đây, văn từ rất hay khéo nhưng nghĩa vị thì dạt dẹo. Bản Kinh ông trì so với Kinh quyển của Tỳ Sa-môn có phần thua kém”. Sau khi tỉnh mộng, vị Sa-môn ấy kiên trì cả bản Kinh cựu dịch.

61- Cảm ứng của sự hoằng truyền Kinh Vô lượng nghĩa.(Rút từ lời tựa của Kinh và Tề ký).

Kinh Vô lượng nghĩa tuy ghi tả ở đầu Kinh Pháp Hoa, nhưng tại Trung Hoa chưa thấy thuyết ấy. Những vị giảng Kinh Pháp Hoa mỗi lúc đến giảng tứ thương luôn nghi ngờ không ai chẳng phế bỏ đàm nói mà than nghĩ thấy văn Kinh ấy. Bỗng nhiên có Sa-môn Huệ Biểu ở Võ Đang là người chuyên cần cầu Đạo, vân du tìm kiếm khắp nam bắc,

chẳng kể hiểm nguy. Năm Kiến Nguyên thứ ba (481) thời Nam Tề, ngài lại đi tìm tòi điều bí ẩn sâu màu, xa đến Lĩnh Nam, vào ở chùa Miếu Đình tại Quảng Caha6u gặp được Sa-môn Đàm-ma-già-Đà- Da-Xá người xứ Trung Ấn Độ, là người khéo giỏi viết chữ lệ, miệng nói rành tiếng xứ tề Châu, muốn truyền Kinh ấy mà chưa biết trao cho ai. Ngài bèn ân cần cầu thỉnh, dốc hết thâm tâm rất mực chí thành, trải qua mười ngày nửa tháng, chỉ được một bản, bèn trở lại theo đường núi cao từ Bắc Tề mà vào Võ Đang. Đến ngày mười tám tháng chín năm Vĩnh Minh thứ ba (485) thời Nam Tề, ngài mang đội trên đầu bước ra khỏi núi muốn hoằng truyền lưu thông, kính hầu Chân văn, vui mừng cung kính rất mực chí thành, ca vịnh đến nổi không biết tay múa, chân nhảy dạp, chẳng tuyên truyền mà đã kiến thành. Khi ấy có một người sinh tâm bất tín, bảo rằng: “Kinh ấy sao có thể làm phần tựa của Kinh Pháp Hoa ư?” Bèn cảm mộng thấy một vị thần thân hình cao lớn một trượng mặc áo giáp vàng, dùng kiếm sắc bén, phóng chận bảo rằng: “Nếu người không tin, ta sẽ chém đầu cổ người. Kinh này chánh là phần tựa của Kinh Pháp Hoa. Người được một Kinh này hẳn không thối thất Tâm Bồ-đề, trải qua thời gian ức kiếp mới một lần gặp, há để mất cả hai điều lợi ư?” Sau khi tỉnh giấc, người đó hối tạ vậy.

62- Cảm ứng của Công đức nghe Kinh Vô lượng nghĩa mà được sang lên cõi trời Dao-lợi. (Rút từ tề ký).

Xưa kia, Tỳ-kheo Tuệ biểu ở núi Võ Đang trì tụng Kinh Vô lượng nghĩa, về sau ngài mang đội Kinh ra núi, đến dừng nghỉ qua đêm trong núi, mới đầu đêm có vị trời đến và dẫn theo trăm ngàn người trời dùng làm quyến thuộc cúng dường Kinh và ngài. Ngài hỏi: “Người là ai?” Vị trời ấy đáp: “Chúng là chim tước lông xanh ở tại núi Võ Đang nhóm tụ nghe Vô lượng nghĩa, nên khi mạng chung được sanh lên cõi trời Dao-lợi. Vì muốn báo đáp nên đến ra mắt cầ cúng dường. Chúng tôi cùng nhau tụ một góc ở phía Tây nam của núi mà xả bỏ báo thân”. Nói lời ấy rồi bỗng nhiên ẩn mất. ngài mới sai bảo người đến tìm kiếm nơi chim nhóm tụ, quả nhiên đúng như lời nói ấy. thật công đức nghe Kinh có được như vậy. Ngài hoan hỷ dốc lòng hoằng thông vậy.

63- Cảm ứng của sự trì tụng Kinh Pháp Hoa đủ số một ngàn bộ hẳn có linh nghiệm. (Rút từ Lương cao tăng truyện).

Dưới thời vua Võ Thành Đế (Cao Chạm 561-565) bắc Tề, bên cạnh núi Đông Khán ở Tinh Châu có một người đào bới đất, thấy một chỗ đất

sắc màu vàng trắng. Sau đó thấy có một vật tướng trong như hai bờ môi của người, phía trong có chiếc lưỡi sắc màu đỏ hồng tươi đẹp. Bèn đem sự việc ấy tấu trình, vua hỏi các hàng Đạo tục, không một ai biết đến. Bấy giờ có Sa-môn Pháp Sư Đại Thống dâng biểu văn tâu rằng: “Đó là quả báo của người thọ trì Kinh Pháp Hoa sáu căn không rã hoại vậy. Nếu thọ trì đủ số ngàn biến hẳn có ứng nghiệm”. vua mới nhóm tập những người trì tụng Kinh Pháp Hoa đi nhiều quanh mà tụng, vừa nói mở lời, môi lưỡi linh ứng ấy đồng một lúc máy động. Mọi người nghe thấy đều dựng đứng lông tóc, đem việc ấy tấu trình. Vua bèn ban sắc là Hộp đá tôn trí vào trong và thỉnh vào trong thất mà phụng thờ.

64- Cảm ứng của sự ghi tả Kinh Pháp Hoa đủ tám bộ hẳn có được sự cứu khổ. (Rút từ Kinh truyện).

Vào thời tiền Tống tại chùa Ngoã Quang có Sa-môn Thích Huệ Đạo vốn người xứ Dự Châu là em cùng mẹ với Sa-môn Thích Huệ Quả, lúc bình sinh chẳng chuyên tu hành chỉ khéo trái ngược. Đang trong coi nhà kho của Tăng chúng mà riêng lén lấy tự ăn dùng, biết có các thứ vải lụa thì tìm phương tiện mà trộm cắp. Về sau cảm mắc bệnh tật mà qua đời, ba ngày sau sống lại kể rằng: “Tôi bị minh quan rượt đuổi dẫn đến nơi đường Xa Xăm mời tối, có một vị Sa-môn bảo tôi rằng: “Nếu bị vua truy hỏi thì nên nói là ngày trước có nguyện tạo tám bộ Kinh Pháp Hoa”. Nói lời ấy rồi bỗng nhiên ẩn mất. Khi đến nơi chỗ vua Diêm-ma, vua hỏi: “Ông có tu tạo công đức gì chẳng?” Tôi đáp: “Tôi có nguyện tạo tám bộ Kinh Pháp Hoa”. vua mỉm cười mà bảo rằng: “Đã nói là có nguyện. Nếu tạo Kinh Pháp Hoa đủ số tám bộ thì hẳn thoát khỏi tám Địa ngục. Y cứ một lời nói nên nay phóng thả ông trở lại nhân gian”. Kể lại nhân duyên ấy rồi, Huệ Đạo bèn xả bỏ thí tất cả mọi vật hiện có mà tạo tám bộ Kinh. Kinh đó đến nay hiện còn.

65- Cảm ứng của sự ghi tả Kinh Pháp Hoa nội trong một ngày liền được cứu khổ. (Rút từ Kinh truyện).

Tại Ráng Châu có Cô Sơn, trong khoảng niên hiệu Vĩnh Huy (650-656) thời Tiền Đường, có hai vị Tăng đồng chung sống một phòng. Một vị tên là Tăng Hành chuyên hành trì Tan giai Phật Pháp, còn một vị tên là Tăng Pháp chuyên hành trì Pháp Hoa Tam muội. Hai vị cùng ước hẹn nhau nếu ai qua đời trước thì nên trở lại báo cho biết chỗ thác sinh. Về sau ngài tăng Hành qua đời trước. Sau đó ba năm, ngài tăng Pháp cầu thỉnh đức Bồ-tát Quán Thế Âm, bèn mộng thấy đến chốn Địa ngục,

lửa dữ cháy phùng, không thể đến gần, có bảy lớp lưới sắt che phủ phía trên, cửa sắt khắp bốn mặt mở đóng rất bền bỉ. Có trăm ngàn vị Sa-môn trái phạm tịnh giới, chẳng chịu điều nhiếp thân tâm, hiện ở trong đó nhận chỉ thống khổ. Bèn hỏi: “Trong đây có Sa-môn Tăng Hành chăng?” Quỷ La sát đáp: “Có”. Lại nói: “Tôi muốn được trông thấy”. Quỷ đáp: “Không thể thấy được”. Lại nói: “Chúng tôi đều là Phật tử, cơ sao cố tiếc như thế?” Khi ấy quỷ La sát dùng mũi nhọn thọc vào trong than mà chỉ bảo. Sa-môn Tăng Pháp thấy than đen đỏ lệ khóc ròng, nên liền hỏi: “Sa-môn Thích từ cơ sao phải chịu khổ vậy? Tôi muốn được thấy hình thể ngày xưa”. Quỷ La sát bảo: “Sống”. Liền đó uyển nhiên như bình sinh. Chỉ có khắp thân thể đều bị cháy nám, Sa-môn Tăng Hành nói cùng Tăng Pháp rằng: “Ông hãy cứu giúp tội khổ của tôi”. Tăng Pháp hỏi: “Làm sao để cứu giúp?” Tăng Hành bảo: “Nên vì tạo Kinh Pháp Hoa”. Tăng Pháp lại hỏi: “Tạo như thế nào?” Tăng Hành bảo: “Nội trong một ngày phải làm hoàn tất công việc”. Tăng Pháp nói: “Bần đạo làm sao nội trong một ngày mà công việc ấy làm hoàn tất?” Tăng Hành nói: “Khổ đau không thể nhận chịu, chỉ mỗi sát na còn khó qua khỏi. Nếu chẳng nội trong một ngày nhanh nện hoàn tất công việc thì khổ này sao sát dứt được”. Sau khi tỉnh mộng liền trong ngày đó. Tăng Pháp xả thí tất cả y bát mọi thứ của cải vốn có, thuê bốn mươi thứ sinh đồng một ngày ghi tả Kinh Pháp Hoa mà cúng dường lễ bái. Đêm đó lại mộng thấy Tăng Hành thoát khỏi khổ Địa ngục, gần sinh lên cõi trời Đạo-lợi vậy.

66- Cảm ứng của sự phân chia bày quyển Kinh Pháp Hoa giảng ở tám tòa.

(Rút từ Kinh truyện).

Sa-môn Thích Huệ Minh, không biết ngài là người xứ nào, cũng lạc mất giòng họ. Phong thái dung mạo ngài trất nhàn thoáng, học rộng nghe nhiều, thông minh đỉnh ngộ về Phật thừa. Ngài chuyên giảng Kinh Pháp Hoa có đặc sắc độc đoán, cùng tụng giảng nói giải thích. Hoặc có lúc vào trong núi sâu ngài ngồi nơi thạch thất giảng Kinh. Có một đàn khỉ vượn đến nghe pháp, qua ba tháng sau, trên hang đá bỗng nhiên có ánh sáng, dần lại gần trước hang, thì ra đó là người trời, tự xưng rằng: “Tôi là kẻ già nua lại mù mắt trong đàn khỉ vượn, nhờ nương tựa nghe ông giảng Kinh nên được sinh lên cõi trời Đạo-lợi, bản thân của tôi hiện xả bỏ tại phía Đông nam của thất này cách chừng hơn bảy mươi bước. Nghĩ đến ân đức của Đại sư, do nghe Đại sư giảng pháp, nên nay đến nơi

này mong được nghe giảng pháp!”. Ngài hỏi: “Giảng như thế?”. Người trời thưa: “Tôi gấp gấp muốn mau được trở về cõi trời, nên xin Đại sư đem một bộ Kinh Pháp Hoa, phân thành tám phần để giảng”. Ngài bảo: “Kinh tôi đang hành trì vốn chỉ bảy quyển, hẳn phân làm bảy tòa, cứ sao phải phân giảng thành tám?”. Người trời nói: “Kinh Pháp Hoa là Kinh Đức Phật giảng nói trong tám năm, nếu như giảng đúng tám năm thì quá lâu dài nên xin mở làm thành tám tòa, phóng tự như giảng tám năm, lược vậy nhưng cũng có thể hợp với ý chỉ của Đức Phật”. Ngài bèn phân bảy quyển thành tám pho vì người trời mà giảng giải. Người trời dâng cúng ngài tám hạt nhân châu, và nói bài kệ tụng rằng:

*“Thế Tôn thị tịch đã lâu xa
Lưu truyền Diệu Pháp khó gặp thay
Tuy gặp, hiểu nghĩa cũng là khó
Hiểu rồi giảng giải càng khó hơn
Nếu nghe một bộ Kinh Pháp Hoa
Chỉ trong phút chốc nghe chẳng báng
Tội chúng ba đời đều tiêu diệt
Tự nhiên thành Phật, Đạo không nghi
Tôi nay nghe Kinh bỏ thân thú
Sinh trong dục giới, trờ thứ hai
Oai đức sáng ngời hơn trời trước
Thắng lợi khó nghĩ chẳng thể bàn”.*

Nói xong bài kệ, người trời ấy liền trở về lại cõi trời, ngài ghi lại đầy đủ sự việc đó, khắc vào nơi đá, đến nay vẫn hiện còn.

67- Cảm ứng của Tam tạng Pháp sư Đàm ma Sấm hoằng truyền Kinh Đại Niết-bàn. (Rút từ Tăng mục lục v.v...).

Trong thời vua An Đế (Tư Mã Đức Tông 397-419), Đông Tấn, có Tam tạng Pháp sư Đàm ma Sấm, tiếng Trung Hoa dịch nghĩa là Pháp Phong. Ngài vốn người Trung Ấn Độ, mang mười quyển phần đầu Kinh Đại Niết-bàn và Bồ-tát giới v.v... đến Cô Tăng, dừng nghỉ tại nhà trọ, vì sợ mất bản Kinh nên ngài gói trên đầu để ngủ, nửa đêm có người kéo ngài xuống đất, ngài kinh hãi tỉnh giấc cho là có kẻ trộm, cứ như vậy mất ba đêm, ngài mới nghe giữa không trung có tiếng bảo rằng: “Đó là Pháp tạng giải thoát oc đức Như Lai, cứ sao gói đầu lên đó?”. Ngài mới dẫn tổ ngou3rie6ng đặt để nơi chỗ cao. Có kẻ trộm ban đêm đến lấy đi nhưng giắt không lên nổi. Đến sáng sớm., ngài mang đi không tổ về nặng nhọc, kẻ trộm mới cho là bậc Thánh nhân nên bèn đến sám tạ.

68- Cảm ứng của Sa-môn Huệ Nghiêm san lược sửa đổi Kinh Niết-bàn bị thần quả trách. (Rút từ truyện ký).

Trong thời thời Tiền Tống, có Sa-môn Thích Huệ Nghiêm ở chùa Đông An tại Kinh đô, thường bực nhọc bởi Kinh Đại Niết-bàn văn tự lắm nhiều, bèn gia công san định cắt xén làm thành sổ quyển, ghi tả vài ba phen, ban bố chỉ bà đồng tốt đẹp, nhân nhủ trong lúc mộng, bỗng nhiên thấy có một người thanh hình cao lớn hơn hai trượng, khí mạo oai phong kỳ vĩ đến bảo rằng: “Kinh Đại Niết-bàn là Tông chủ của các Tạng, cơ sao ông xem thường mà chằm chước?” Ngài buồn bả tỏ vẻ không hài lòng, còn cho là ý đã định, chưa có tâm hối cải. Đến đêm hôm sau lại mộng thấy người ấy với tướng trạng tỏ vẻ tức giận bảo rằng: “Có lỗi mà biết cải đổi thì gọi là chẳng lỗi quá, nên đến cùng, mách bảo cho, cơ sao vẫn không cải đổi ư? Kinh ấy đã không sửa đổi một mảnh, vả lại họa ông cũng sắp đến”. Ngài kinh sợ tỉnh giấc mà mất tiếng, chưa đến trưa hôm sau đã vội đưa thư xin đòi lại các bản Kinh đã lưu bố mà thiếu đốt tất cả. Có các vị Thức giả cho rằng: “Đó là rắn dè người sau”. Ngài cũng cho là như vậy nhưng trọn hoài nghi sợ.

69- Cảm ứng của sự ghi tả Kinh Niết-bàn được sinh về nước Bất Động. (Tân lục).

Thượng Thư hình bộ Thị lang Trương Hành An phát nguyện ghi tả Kinh Đại Niết-bàn, vừa mới lật đề, đêm đó nằm mộng thấy có hai vị Sa-môn đến bảo rằng: “Người ghi tả Kinh Pháp sâu mầu hẳn nhất định được sinh về cõi nước của Phật Bất động”. Sau khi tỉnh mộng, Trương Hành An chuyên chí ghi tả, không biết về sau ông ta như thế nào?

70- Cảm ứng của sự nghe hai chữ “ Thường trú ”. (Tân lục).

Tại Dương Châu có vị cư sĩ không tin Đại Niết-bàn là Lý Tánh thường trú của chư Phật, lại nghe hai chữ “ Thường trú ”. Chẳng sa đoạ vào đạo ác, mà sinh tâm bất tín mà nói là: “Nghe trọn cả một bộ Kinh còn chưa thể khỏi ác đạo, huống gì chỉ hai chữ ư?”. Sau đó, vị cư sĩ ấy cảm mắc bệnh mà qua đời, trên tim đang còn ấm nóng nên mọi người chưa vội an táng. Qua bảy ngày sau sống lại kể rằng: “Tôi đến nơi thành Diêm-ma, vua quả trách rằng: “Người phỉ báng Kinh Pháp sâu mầu, quả báo đang sa đoạ vào Địa ngục A Tỳ”. Khi đó, tôi nghĩ nhớ đến nhân quả nên thưa cùng vua rằng: “Giả sử có phỉ báng nên sa đoạ vào đường xấu ác, nhưng nghe được hai chữ “thường trú” cũng có thể đóng bít cửa ác đạo chứ?” Khi đó giữa không trung toả hiện ánh sáng, trong

ánh sáng ấy nói bài kệ tụng rằng:

*“Hoặc tin hoặc chẳng tin Chỉ nghe chữ
Thường trú Hẳn chẳng sa đường ác Sinh
về nước Bất Động”.*

Do đó, vua hoan hỷ mà phóng thả tôi trở về”. Tự nói nhân duyên đó rồi, vị cư sĩ ấy rơi lệ mà tinh tấn tu hành. Đến lúc lâm chung có được cõi nước Bất Động đến nghinh đón vậy.

71- Cảm ứng của sự đưa tay xúc chạm Kinh Niết-bàn. (Rút từ Tây vực cầu pháp truyện).

Xưa kia, tại Tây vực có một vị Bà-la-môn từ nơi bàn tay toả phóng ánh sáng. Mọi người lấy làm lạ đó bèn đem hỏi vị A-la-hán, song không biết là do nhân duyên gì. Về sau có bậc Đại sĩ đã chứng đắc thần thông đến nhà vị Bà-la-môn ấy, thấy toả phóng ánh sáng, bèn bảo rằng: “Lành thay Bà-la-môn! Ngày trước ông đưa tay xúc phạm Kinh Đại Niết-bàn, vì nhân duyên ấy nên toả phóng ánh sáng. Trong tương lai ông được thành Phật cũng tên Quang minh Tôn vậy”.

72- Cảm ứng các vua ghi tả hết thảy Kinh. (Rút từ Kinh Lục và Kinh Pháp uyển Châu Lâm).

Các vua cao Đế (Tiêu Đạo Thành 479-483), vua Minh Đế (Túc Loan 494-501) thời Nam Tề ghi tả hết thảy Kinh. vua Võ Đế (Trần Bá Tiên 557-560) thời nhà Trần ghi tả hết thảy Kinh gồm mười hai tạng. Vua Văn Đế (Trần Quyển 560-567) thời nhà Trần ghi tả năm mươi Tạng, vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-583) thời nhà Trần ghi tả hết mười hai Tạng. Vua Đạo Võ Đế (Thác Bạt Quế 386-396) thời Bắc ngụy ghi tả hết thảy Kinh. Vua Túc Tông Hiếu Minh Đế thời nhà Tề vì Tiên Vương ghi tả hết thảy Kinh gồm mười hai Tạng. Và có cả thảy ba mươi tám ngàn không trăm bốn bảy quyển. Vua Văn Đế (Dương Kiên 581-605) thời nhà Tùy ghi tả hết thảy Kinh, gồm mười sáu Tạng, có cả thảy một trăm ba mươi ba ngàn không trăm tám mươi sáu quyển. vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) thời nhà Tùy ghi tả sáu trăm mười hai tạng, hai mươi chín ngàn một trăm bảy mươi hai bộ. Tất cả đều sự cảm ứng, không thể ghi tả đầy đủ cả, cần nghiệm xét ở các sách sử vậy.

TAM BẢO CẢM ỨNG LỤC QUYỂN TRUNG
HẾT